

**A. LÝ THUYẾT:**

- Đại số: Chương I: Căn bậc hai, căn bậc ba
- Hình học: Chương I. Hệ thức lượng trong tam giác vuông

**B. BÀI TẬP:**

**I. TRẮC NGHIỆM: Chọn đáp án đúng nhất cho các câu hỏi sau.**

**Câu 1.** Căn bậc hai số học của  $(-3)^2$  là:

- A. -3                      B. 3                      C. -81                      D. 81

**Câu 2.** Kết quả của phép tính  $\sqrt{25+144}$  là:

- A. 17                      B. 169                      C. 13                      D.  $\pm 13$

**Câu 3.** Tính  $\sqrt{5^2} + \sqrt{(-5)^2}$  có kết quả là:

- A. 0                      B. -10                      C. 50                      D. 10

**Câu 4.** Tính  $\sqrt{(1-\sqrt{2})^2} - \sqrt{2}$  có kết quả là:

- A.  $1-2\sqrt{2}$                       B.  $2\sqrt{2}-1$                       C. 1                      D. -1

**Câu 5.**  $\sqrt{-x^2+2x-1}$  xác định khi và chỉ khi:

- A.  $x \in \mathbb{R}$                       B.  $x=1$                       C.  $x \in \emptyset$                       D.  $x \geq 1$

**Câu 6.** Rút gọn biểu thức:  $-\frac{\sqrt{x^2}}{x}$  với  $x > 0$  có kết quả là:

- A. -x                      B. -1                      C. 1                      D. x

**Câu 7.** Biểu thức  $\sqrt{\frac{x^2}{x+1}}$  xác định khi và chỉ khi:

- A.  $x > -1$                       B.  $x \geq -1$                       C.  $x \in \mathbb{R}$                       D.  $x \geq 0$

**Câu 8.** Rút gọn  $\sqrt{4-2\sqrt{3}}$  ta được kết quả:

- A.  $2-\sqrt{3}$                       B.  $1-\sqrt{3}$                       C.  $\sqrt{3}-1$                       D.  $\sqrt{3}-2$

**Câu 9.** Tính  $-\sqrt{0,1} \cdot \sqrt{0,4}$  có kết quả là:

- A. 0,2                      B. -0,2                      C.  $\frac{-4}{100}$                       D.  $\frac{4}{100}$

**Câu 10.** Biểu thức  $\sqrt{\frac{-2}{x-1}}$  xác định khi:

- A.  $x > 1$                       B.  $x \geq 1$                       C.  $x < 1$                       D.  $x \neq 0$

**Câu 11.** Rút gọn biểu thức  $\frac{\sqrt{a^3}}{\sqrt{a}}$  với  $a > 0$ , kết quả là:

- A.  $a^2$                       B.  $\pm a$                       C. a                      D. -a

**Câu 12.** Biểu thức  $\sqrt{(\sqrt{3}+1)^2} + \sqrt{(1-\sqrt{3})^2}$  bằng:

- A.  $2\sqrt{3}$                       B.  $3\sqrt{3}$                       C. 2                      D. -2

**Câu 13.** Điều kiện xác định của biểu thức  $P(x) = \sqrt{x+10}$  là:

- A.  $x \geq -10$                       B.  $x \leq 10$                       C.  $x \leq -10$                       D.  $x > -10$

**Câu 14.** Điều kiện xác định của biểu thức  $\sqrt{1-x}$  là:

- A.  $x \in \mathbb{R}$       B.  $x \leq -1$       C.  $x < 1$       D.  $x \leq 1$

**Câu 15.** Giá trị của biểu thức  $S = \sqrt{7-4\sqrt{3}} - \sqrt{7+4\sqrt{3}}$  là:

- A. 4      B.  $2\sqrt{3}$       C.  $-2\sqrt{3}$       D. -4

**Câu 16.** Trục căn thức ở mẫu của biểu thức  $\frac{1}{\sqrt{3}+\sqrt{5}} + \frac{1}{\sqrt{5}+\sqrt{7}}$  là:

- A.  $\frac{\sqrt{7}+\sqrt{3}}{2}$       B.  $\sqrt{7}-\sqrt{3}$       C.  $\sqrt{7}+\sqrt{3}$       D.  $\frac{\sqrt{7}-\sqrt{3}}{2}$

**Câu 17.** Kết quả của phép tính  $\frac{\sqrt{10}+\sqrt{6}}{2\sqrt{5}+\sqrt{12}}$  là:

- A. 2      B.  $\sqrt{2}$       C.  $\frac{\sqrt{2}}{2}$       D.  $\frac{3\sqrt{2}}{2}$

**Câu 18.** Giá trị của biểu thức  $(\sqrt{6}+\sqrt{5})^2 - \sqrt{120}$  là:

- A. 21      B.  $11\sqrt{6}$       C. 11      D. 0

**Câu 19.** Phương trình  $\sqrt{3}.x = \sqrt{12}$  có nghiệm là:

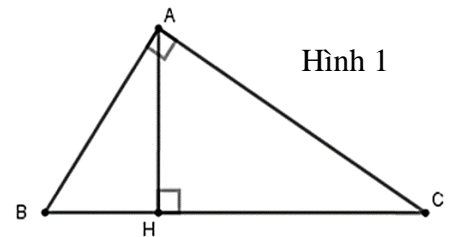
- A.  $x = 4$       B.  $x = 36$       C.  $x = 6$       D.  $x = 2$

**Câu 20.** Phương trình  $\sqrt{x-2} + 1 = 4$  có nghiệm  $x$  bằng:

- A. 5      B. 11      C. 121      D. 25

**Câu 21:** Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH (như hình 1). Hệ thức nào sau đây là đúng?

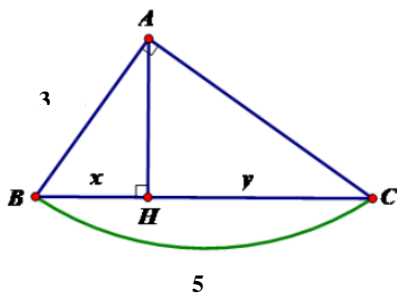
- A.  $AH^2 = AB.AC$       B.  $AH^2 = BH.CH$   
 C.  $AH^2 = AB.BH$       D.  $AH^2 = CH.BC$



**Câu 22:** Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH (như hình 1). Hệ thức nào sau đây là sai?

- A.  $AB^2 = BH.BC$       B.  $AC^2 = CH.BC$   
 C.  $AB.AC = AH.BC$       D.  $AH^2 = \frac{AB^2 + AC^2}{AB^2.AC^2}$

**Câu 23:** Tính x, y trong hình vẽ sau:



- A.  $x = 1,8; y = 3,2$   
 B.  $x = 1,75; y = 3$   
 C.  $x = 1,8; y = 2,95$   
 D.  $x = 3,2; y = 1,8$

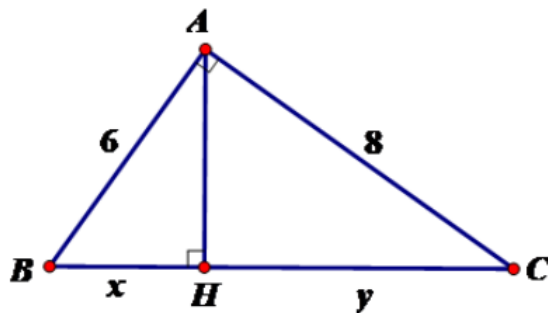
**Câu 24:** Tính x, y trong hình bên sau:

A.  $x = 3,6; y = 6,4$

B.  $y = 3,6; x = 6,4$

C.  $x = 4; y = 6$

D.  $x = 2; y = 7,2$



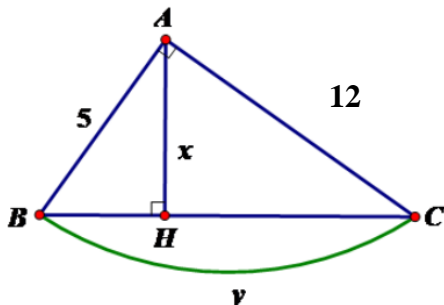
**Câu 25:** Tính x, y trong hình bên sau:

A.  $x = 13; y = \frac{60}{13}$

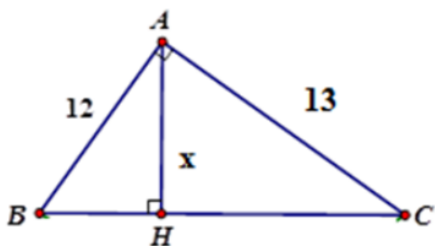
B.  $x = \frac{60}{13}; y = 13$

C.  $x = \frac{13}{60}; y = 17$

D.  $x = 17; y = 13$



**Câu 26:** Tính x trong hình vẽ sau (làm tròn đến chữ số thập phân thứ ba)



A.  $x \approx 8,817$

B.  $x \approx 8,818$

C.  $x \approx 8,820$

D.  $x \approx 8,810$

**Câu 27:** Cho  $\Delta ABC$  vuông tại A, đường cao AH. Cho biết  $AB:AC = 3:4$  và  $BC = 50$ . Tính độ dài đoạn thẳng AB; AC?

A.  $AB = 15; AC = 20$

B.  $AB = 45; AC = 60$

C.  $AB = 60; AC = 80$

D.  $AB = 30; AC = 40$

**Câu 28:** Cho tam giác MNP vuông tại M. Khi đó  $\cos N$  bằng:

A.  $\frac{MN}{NP}$

B.  $\frac{MP}{NP}$

C.  $\frac{MN}{MP}$

D.  $\frac{MP}{MN}$

**Câu 29:** Cho  $\alpha$  là góc nhọn bất kỳ. Khẳng định nào dưới đây là khẳng định đúng?

**A.**  $\sin\alpha + \cos\alpha = 1$

**B.**  $\sin^2\alpha + \cos^2\alpha = 1$

**C.**  $\sin^3\alpha + \cos^3\alpha = 1$

**D.**  $\sin\alpha - \cos\alpha = 1$

**Câu 30:** Cho  $\alpha$  là góc nhọn bất kỳ. Chọn khẳng định nào dưới đây là sai?

**A.**  $\tan\alpha = \frac{\sin\alpha}{\cos\alpha}$

**B.**  $\cot\alpha = \frac{\cos\alpha}{\sin\alpha}$

**C.**  $\tan\alpha \cdot \cot\alpha = 1$

**D.**  $\tan^2\alpha - 1 = \cos^2\alpha$

**Câu 31:** Cho  $\alpha$  và  $\beta$  là góc nhọn bất kỳ thỏa mãn  $\alpha + \beta = 90^\circ$ . Chọn khẳng định đúng.

**A.**  $\cos\alpha = \sin\beta$

**B.**  $\cot\alpha = \cot\beta$

**C.**  $\tan\alpha = \cos\alpha$

**D.**  $\tan\alpha = \tan\beta$

**Câu 32:** Cho  $\Delta ABC$  vuông tại C có BC = 1,2 cm, AC = 0,9 cm. Tính các tỉ số lượng giác  $\sin A$ ;  $\cos A$ ?

**A.**  $\sin A = 0,6$ ;  $\cos A = 0,8$

**B.**  $\sin A = 0,3$ ;  $\cos A = 0,4$

**C.**  $\sin A = 0,8$ ;  $\cos A = 0,6$

**D.**  $\sin A = 0,8$ ;  $\cos A = 0,8$

**Câu 33:** Cho  $\Delta MNP$  vuông tại M. Hệ thức nào sau đây là đúng?

**A.**  $MN = MP \cdot \sin P$

**B.**  $MN = MP \cdot \cos P$

**C.**  $MN = MP \cdot \tan P$

**D.**  $MN = MP \cdot \cot P$

**Câu 34:** Cho  $\Delta ABC$  vuông tại A có BC = a, AC = b, AB = c. Chọn khẳng định sai?

**A.**  $b = a \cdot \sin B = a \cdot \cos C$

**B.**  $a = c \cdot \tan B = c \cdot \cot C$

**C.**  $a^2 = b^2 + c^2$

**D.**  $c = a \cdot \sin B = a \cdot \cos C$

**Câu 35:** Cho  $\Delta ABC$  vuông tại A có AC = 10 cm, góc B bằng  $30^\circ$ . Tính AB (làm tròn đến chữ số thập phân thứ ba)

**A.** 17,320

**B.** 17,321

**C.** 17,322

**D.** 17,323

**Câu 36:** Cho  $\Delta ABC$  vuông tại A có BC = 12 cm, góc B bằng  $40^\circ$ . Tính AC và góc C (làm tròn đến chữ số thập phân thứ 2)

**A.**  $AC \approx 7,71$ ;  $\widehat{C} = 40^\circ$

**C.**  $AC \approx 7,71$ ;  $\widehat{C} = 50^\circ$

**B.**  $AC \approx 7,72$ ;  $\widehat{C} = 50^\circ$

**D.**  $AC \approx 7,73$ ;  $\widehat{C} = 50^\circ$

**Câu 37:** Cho tam giác ABC vuông tại A có BC = 15 cm, AB = 12 cm. Tính AC, góc B.

- A. AC = 8cm; B  $\approx 36^{\circ}52'$       B. AC = 9cm; B  $\approx 37^{\circ}52'$   
 C. AC = 9cm; B  $\approx 36^{\circ}52'$       D. AC = 9cm; B  $\approx 36^{\circ}55'$

**Câu 38:** Một cột đèn có bóng trên mặt đất dài 6,5 m. Các tia nắng mặt trời tạo với mặt đất một góc xấp xỉ bằng  $43^{\circ}$ . Tính chiều cao của cột đèn (làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất)

- A. 6,1 m      B. 6,0 m      C. 6,06 m      D. 6,0 m

**Câu 39:** Một cầu trượt trong công viên có độ dốc là  $29^{\circ}$  và có độ cao là 2,1 m. Tính độ dài của mặt cầu trượt (làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai)

- A. 4,34 m      B. 4,30 m      C. 4,40 m      D. 4,33 m

**Câu 40:** Nhà bạn Minh có một chiếc thang dài 4,5m . Cần đặt chân thang cách chân tường một khoảng cách bằng bao nhiêu để nó tạo được với mặt đất một góc “an toàn ” là  $65^{\circ}$  (tức là đảm bảo thang không bị đổ khi sử dụng). (kết quả làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai)

- A. 1,90 m      B. 1,91 m      C. 1,92 m      D. 1,93 m

## II. TỰ LUẬN

### Bài 1: Tính

- a)  $-3\sqrt{80} + 7\sqrt{45} - \sqrt{500}$       b)  $(\sqrt{6} + \sqrt{5})^2 - \sqrt{120}$       c)  $3\sqrt{\frac{9}{8}} - \sqrt{\frac{49}{2}} + \sqrt{\frac{25}{18}}$   
 d)  $\frac{1}{\sqrt{5} + \sqrt{2}} + \frac{1}{\sqrt{5} - \sqrt{2}}$       e)  $\sqrt{(\sqrt{3} - 2)^2} + \sqrt{19 + 8\sqrt{3}}$       f)  $\frac{10 + 2\sqrt{10}}{\sqrt{5} + \sqrt{2}} + \frac{8}{1 - \sqrt{5}}$

### Bài 2: Giải phương trình

- a)  $\sqrt{2x - 1} = 5$       b)  $\sqrt{9(2x - 1)} = 15$       c)  $\sqrt{x^2 - 4x + 3} = x - 2$   
 d)  $\sqrt{x^2 - 4} - x + 2 = 0$       e)  $\sqrt{2x + 5} = \sqrt{1 - x}$       f)  $\sqrt{x^2 - x} = \sqrt{3 - x}$

**Bài 3.** Cho biểu thức:  $A = \frac{\sqrt{x+1}}{\sqrt{x-2}} + \frac{2\sqrt{x}}{\sqrt{x+2}} + \frac{2+5\sqrt{x}}{4-x}$  (với  $x \geq 0$ ;  $x \neq 4$ )

- a) Rút gọn biểu thức A.      b) Tính giá trị của A tại  $x = 16$       c) Tìm x để  $A = 2$ .

**Bài 4.** Cho biểu thức  $A = \frac{\sqrt{x} - 3}{\sqrt{x} + 1}$  và  $B = \left( \frac{2\sqrt{x}}{\sqrt{x} + 3} + \frac{\sqrt{x} + 1}{\sqrt{x} - 3} + \frac{3 - 11\sqrt{x}}{9 - x} \right)$  với  $x \geq 0$ ;  $x \neq 9$

- a) Tính giá trị biểu thức A tại  $x = \frac{1}{4}$   
 b) Rút gọn biểu thức B  
 c) Tìm số nguyên để P = A . B là số nguyên

**Bài 5.** Cho biểu thức :  $P = \frac{15\sqrt{x} - 3}{x + 2\sqrt{x} - 3} + \frac{3\sqrt{x}}{1 - \sqrt{x}} - \frac{2\sqrt{x} + 3}{\sqrt{x} + 3}$  với  $x \geq 0$ ;  $x \neq 1$

- a) Rút gọn P      b) Tìm x để  $P = \frac{1}{2}$       c) Tìm giá trị lớn nhất của P.

**Bài 6.** Cho tam giác ABC vuông tại A đường cao AH

- 1) cho AC = 10cm; CH = 8cm. Tính AB, HB  
 2) Cho AB = 30cm; CH = 32cm. Tính AH, BH

**Bài 7.** 1) Cho tam giác ABC vuông tại A. Góc B bằng  $30^0$ ; BC = 10cm. Tính AB, góc C?  
 2) Cho tam giác ABC có đường cao AH, AB = 16cm; AC = 14cm; và góc B =  $60^0$ . Tính độ dài cạnh BC và diện tích tam giác ABC

**Bài 8.** 1) Cho  $\alpha$  là góc nhọn, biết  $\sin \alpha = 0,6$ . Tính  $\cos \alpha$  và  $\tan \alpha$

2) Cho  $\alpha$  là góc nhọn, biết  $\sin \alpha = 0,5$ . Tính  $A = 2 \sin^2 \alpha + \cos \alpha + \frac{1}{2 \tan \alpha}$

**Bài 9:** Cho tam giác ABC có AB = 24cm; AC = 18cm; BC = 30cm

a) Tính đường cao AH, số đo góc B và C.

b) Phân giác của góc A cắt BC tại D. Tính BD, CD.

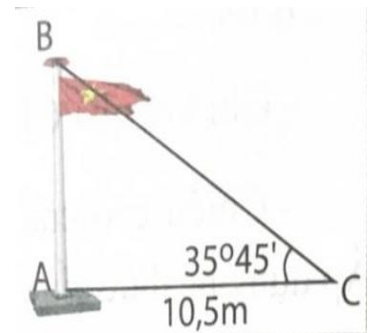
c) Từ D kẻ DE và DF lần lượt vuông góc với AB và AC. Tứ giác AEDF là hình gì? Tính chu vi và diện tích tứ giác AEDF.

**Bài 10.**

1) Lúc 10h, Bạn Nam đo được bóng của cột cờ được chiếu sáng bởi ánh sáng Mặt Trời xuống đất dài 10,5m và góc tạo bởi tia sáng với mặt đất là  $35^045'$ .

a) Hỏi chiều cao của cột cờ là bao nhiêu mét? (Kết quả làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất)

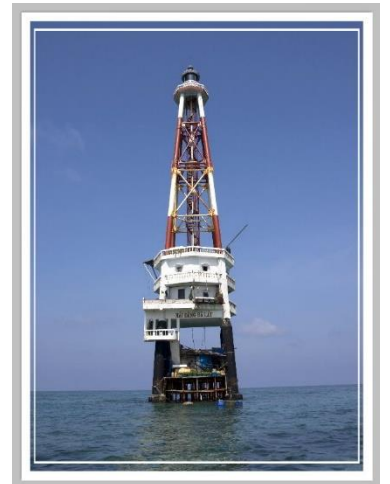
b) Biết rằng chi phí để làm 1m chiều dài cột cờ thì hết 202020 đồng. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu tiền để làm cột cờ đó?



2) Hải đăng Đá Lát là một trong bảy ngọn hải đăng cao nhất Việt Nam, được đặt trên đảo Đá Lát ở vị trí cực Tây quần đảo, thuộc xã đảo Trường Sa, huyện Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa. Ngọn hải đăng được xây dựng năm 1994, cao 42m, có tác dụng chỉ vị trí đảo, giúp tàu thuyền hoạt động trong vùng biển Trường Sa định hướng và xác định được vị trí của mình. Một người đi tàu trên biển muốn đến hải đăng Đá Lát, người đó đứng trên mũi tàu và dùng giác kế đo được góc giữa mũi tàu và tia nắng chiếu từ đỉnh ngọn hải đăng đến tàu là 100.

a/ Tính khoảng cách từ tàu đến ngọn hải đăng. (Làm tròn đến một chữ số thập phân).

b/ Trên tàu còn 1 lít dầu, cứ đi 10m thì tàu đó hao tốn hết 0,02 lít dầu. Hỏi tàu đó có đủ dầu để đến ngọn hải đăng Đá Lát hay không? Vì sao?



**Ban giám hiệu**

Ký duyệt

**Lê Thị Ngọc Anh**

# TRƯỜNG THCS THANH AM

Năm học 2021-2022

## NỘI DUNG HƯỚNG DẪN ÔN TẬP GIỮA KÌ I MÔN NGỮ VĂN 9

### A. NỘI DUNG

#### I. VĂN HỌC

##### 1/ Văn bản nhật dụng:

- Phong cách Hồ Chí Minh;
- Đấu tranh cho một thế giới hòa bình
- \* Nắm vững kiến thức về nội dung, ý nghĩa của các văn bản

##### 2/ Văn bản trung đại

- Chuyện người con gái Nam Xương;
- Truyện Kiều của Nguyễn Du và các đoạn trích *Chị em Thúy Kiều*, *Kiều ở lầu Ngưng Bích* (Trích *Truyện Kiều* – Nguyễn Du).
- *Hoàng Lê nhất thống chí* (*Hồi thứ mười bốn*)
  - \* Tóm tắt, nêu được tình huống truyện, nắm vững nội dung và nghệ thuật “*Chuyện người con gái Nam Xương*”, “*Hoàng Lê nhất thống chí*”
  - \* Nắm được những nét chính về tác giả Nguyễn Du và sự nghiệp văn chương. Hiểu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa và học thuộc lòng các đoạn trích của *Truyện Kiều*.
  - \* Nắm vững kiến thức về tác giả và tác phẩm, hoàn cảnh ra đời, học thuộc lòng thơ, hiểu nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa văn bản.
  - \* Giải thích được ý nghĩa nhan đề, tác dụng của các chi tiết, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật của tác phẩm.

#### II/ TIẾNG VIỆT

- Các phương châm hội thoại
- Lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp.

- \* Nắm vững kiến thức cơ bản về các phương châm hội thoại;
- \* Nhận diện và biết cách chuyển lời dẫn trực tiếp sang gián tiếp, biết tạo câu có lời dẫn.

#### III/ TẬP LÀM VĂN:

##### Tạo lập đoạn văn nghị luận văn học, nghị luận xã hội

#### B. MỘT SỐ ĐỀ THAM KHẢO

##### Bài 1. Đọc kĩ đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu:

“Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam và có lẽ cả thế giới, có một vị Chủ tịch nước lấy chiếc nhà sàn nhỏ bằng gỗ bên cạnh chiếc ao làm “cung điện” của mình. Quả như một câu chuyện thần thoại, như câu chuyện về một vị tiên, một con người siêu phàm nào đó trong cổ tích. Chiếc nhà sàn đó cũng chỉ vẻn vẹn vài phòng tiếp khách, họp Bộ chính trị, làm việc và ngủ, và những đồ đạc rất mộc mạc, đơn sơ. Và chủ nhân chiếc nhà sàn này cũng trang phục hết sức giản dị, với bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp thô sơ như của các chiến sĩ Trường Sơn đã được một tác giả phương Tây ca ngợi như một vật thần kì. Hằng ngày, việc ăn uống của Người cũng rất đạm bạc, với những món ăn dân tộc không chút cầu kì, như cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa.”

(Ngữ văn 9, Tập1 - NXB Giáo dục, trang 6)

1. Chỉ ra xuất xứ và nội dung chính của đoạn văn trên? Nêu ý hiểu của em về thái độ của tác giả thể hiện trong đoạn trích?

2. Trong câu “Và chủ nhân chiếc nhà sàn này cũng trang phục hết sức giản dị, với bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp thô sơ như của các chiến sĩ Trường Sơn đã được một tác giả phương Tây ca ngợi như một vật thần kì.”, tác giả đã sử dụng phép tu từ gì? Hãy nêu ngắn gọn tác dụng của phép tu từ đó?

3. Cuộc đời chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về việc sống tích cực. Hãy viết một đoạn văn ngắn (tối đa 2/3 trang giấy) nêu suy nghĩ của em về lối sống tích cực.

##### Bài 2. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi

Hôm nay ngày 8-8-1986, hơn 50.000 đầu đạn hạt nhân đã được bố trí trên khắp hành tinh. Nói nôm na ra, điều đó có nghĩa là mỗi người, không trừ trẻ con, đang ngồi trên một thùng 4 tấn thuốc nổ: tất cả chỗ đó nổ tung lên sẽ làm biến hết thủy, không phải là một lần mà là mười hai lần, mọi dấu vết của sự sống trên trái đất. Nguy cơ ghê gớm đó đang đè nặng lên chúng ta như thanh gươm Đa-mô-clét, về lí thuyết có thể tiêu diệt tất cả các hành tinh đang xoay quanh mặt trời, cộng thêm bốn hành tinh nữa, và phá hủy thế thăng bằng của hệ mặt trời. Không có một ngành khoa học hay công nghiệp nào có được những tiến bộ nhanh ghê gớm như ngành công nghiệp hạt nhân kể từ khi nó ra đời cách đây 41 năm, không có một đứa con nào của tài năng con người lại có một tầm quan trọng quyết định đến như vậy đối với vận mệnh thế giới.

( Trích Ngữ văn 9, tập 1)

**Câu 1:** (0,5 điểm) Nêu xuất xứ và nội dung của đoạn trích trên.

**Câu 2:** (1,5 điểm) Chỉ ra nét nghệ thuật được sử dụng trong câu văn: “*Nguy cơ ghê gớm đó đang đè nặng lên chúng ta như thanh gươm Đa-mô-clét, về lí thuyết có thể tiêu diệt tất cả các hành tinh đang xoay quanh mặt trời, cộng thêm bốn hành tinh nữa, và phá hủy thế thăng bằng của hệ mặt trời.*”? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu văn trên?

**Câu 3:** (2,0 điểm) Viết một đoạn văn ngắn (tối đa 2/3 trang giấy ) về nội dung mà đoạn trích đưa ra.

**Bài 3: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu :**

*Buồn trông cửa bể chiều hôm  
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?  
Buồn trông ngọn nước mới sa  
Hoa trôi man mác biết là về đâu?  
Buồn trông nội cỏ rầu rầu,  
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.  
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,  
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.*

(Trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du, *Ngữ văn 9, Tập một*)

1. Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm nào, của tác giả nào? Nêu thể loại và thể thơ của tác phẩm đó.
2. Ghi lại các từ láy trong những câu thơ đó và nêu tác dụng của ít nhất ba từ láy em vừa tìm được?
3. Chỉ rõ và nêu tác dụng của biện pháp điệp ngữ trong đoạn thơ trên.
4. Viết một đoạn văn theo cách tổng – phân – hợp cảm nhận của em về cảnh ngộ và tâm trạng của nàng Kiều trong đoạn thơ. Trong đoạn văn có sử dụng 1 câu ghép – Gạch chân chỉ rõ

**Bài 4. Đọc kĩ phần văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*“Chàng bèn theo lời, lập một đàn tràng ba ngày đêm ở bến Hoàng Giang. Rồi quả thấy Vũ Nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện.*

*Chàng vội gọi, nàng vẫn ở giữa dòng mà nói vọng vào:*

*- Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thể sống chết không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa.*

*Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt mà biến đi mất.”*

( Theo sách *Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục, 2018*)

1. Đoạn trích trên nằm trong tác phẩm nào? Do ai sáng tác?
2. Chỉ ra một lời dẫn trực tiếp trong đoạn trích trên và chuyển lời dẫn trực tiếp đó thành lời dẫn gián tiếp.
3. Qua câu nói của Vũ Nương với chồng, em nhận thấy nàng là con người như thế nào?
4. Có ý kiến cho rằng nếu nhà văn để Vũ Nương trở về trần gian sống hạnh phúc với chồng con thì kết truyện sẽ trọn vẹn hơn. Nêu suy nghĩ của em về vấn đề này (Nêu ngắn gọn không phân tích)

**Bài 5: Cho đoạn trích:**



“*Hôm sau, vua Quang Trung hạ lệnh tiến quân..... Khi mới nghe nói, ta đã đoán là do Ngô Thì Nhậm chủ mưu, sau hỏi Văn Tuyết thì quả đúng như vậy*”

1. Giải thích nhan đề *Hoàng Lê nhất thống chí*
2. Đoạn văn là lời của nhân vật nào, nói trong hoàn cảnh nào?
3. Trước hành động của hai tướng Sở và Lân, Quang Trung- Nguyễn Huệ đã có quyết định như thế nào? Vì sao vị hoàng đế lại có quyết định như vậy? Quyết định ấy cho ta hiểu gì về nhân vật?
4. Viết đoạn văn khoảng 12 câu theo kiểu quy nạp, phân tích **trí tuệ nhạy bén, sáng suốt của người anh hùng Quang Trung - Nguyễn Huệ** thể hiện trong đoạn trích hồi thứ 14 của “*Hoàng Lê nhất thống chí*”. Trong đoạn có sử dụng câu bị động, câu cảm thán.(Gạch chân, chú thích rõ)

## **BAN GIÁM HIỆU DUYỆT**

*Lê Thị Ngọc Anh*

**UNIT 1. LOCAL ENVIRONMENT**

**A.Vocabulary:**

|   |  |
|---|--|
| 1. artisan /ɑ:trɪːˈzæn/ (n.): thợ làm nghề thủ công       | 12. carve /kɑ:v/ (v.): chạm, khắc                                |
| 2. handicraft /ˈhændɪkrɑ:ft/ (n.): sản phẩm thủ công      | 13. set off /set ɒf/ (phr. v.): khởi hành                        |
| 3. cast /kɑ:st/ (v.): đúc                                 | 14. close down /kləʊz daʊn/ (phr. v.): đóng cửa, ngừng hoạt động |
| 4. craft /krɑ:ft/ (n.): nghề thủ công                     | 15. pass down /pɑ:s daʊn/ (phr. v.): truyền lại                  |
| 5. embroider /ɪmˈbrɔɪdə(r)/ (v.): thêu                    | 16. face up to /feɪs ʌp tu/ (phr. v.): đối mặt                   |
| 6. lacquerware /ˈlækəweə(r)/ (n.): đồ sơn mài             | 17. turn down /tɜ:n daʊn / (phr. v.): từ chối                    |
| 7. layer /ˈleɪə(r)/ (n.): lớp                             | 18. set up /set ʌp/ (phr. v.): thành lập, tạo dựng               |
| 8. mould /məʊld/ (v.): đổ khuôn                           | 19. take over /teɪk əʊvə/ (phr. v.): tiếp quản                   |
| 9. sculpture /ˈskʌlptʃə(r)/ (n.): điêu khắc, đồ điêu khắc | 20. live on /lɪv ɒn/ (phr. v.): sống dựa vào                     |
| 10. surface /ˈsɜ:fɪs/ (n.): bề mặt                        | 21. turn up /tɜ:n ʌp/ (phr. v.): xuất hiện, đến                  |
| 11. weave /wi:v/ (v.): đan (rổ, rá...), dệt (vải...)      |  |

**B.Grammar:**

**1. Complex sentences.**

- Câu phức là câu bao gồm 1 mệnh đề độc lập (independent clause) và ít nhất 1 mệnh đề phụ thuộc (dependent clause) liên kết với nhau. Hai mệnh đề thường được nối với nhau bởi liên từ phụ thuộc (subordinating conjunctions).
- Mệnh đề đi liền với liên từ trong câu phức chính là mệnh đề phụ thuộc.
- Nếu mệnh đề phụ thuộc nằm phía trước mệnh đề độc lập thì giữa hai mệnh đề phải có dấu phẩy.

**2. Phrasal verbs.**

- Cụm động từ ( Phrasal verb) là sự kết hợp giữa một động từ và một hoặc hai tiểu từ (particle)
- Tiểu từ có thể là một trạng từ, hay là một giới từ, hoặc là cả hai chẳng hạn như: *back, in, on, off, through, up...*
- Khi thêm tiểu từ vào sau động từ, cụm động từ thường có ý nghĩa khác hẳn so với từ ban đầu.

**UNIT 2. CITY LIFE**

**A.Vocabulary:**

|   |   |
|---|---|
| 1. fabulous (adj) /ˈfæbjələs/: tuyệt vời                  | 8. determine (v) /dɪˈtɜ:mɪn/: xác định      |
| 2. reliable (adj) /rɪˈlaɪəbl/: đáng tin cậy               | 9. factor (n) /ˈfæktə/: yếu tố              |
| 3. metropolitan (adj) /ˌmetrəˈpɒlɪtən/: (thuộc về) đô thị | 10. conflict (n) /ˈkɒnflɪkt/: cuộc xung đột |
| 4. multicultural (adj) /ˌmʌltɪˈkʌltʃərəl/: đa             | 11. indicator (n) /ˈɪndɪkətə/: chỉ số       |
|   | 12. urban sprawl /ˈɜ:bən sprɔ:l/: sự đô thị |

|   |  |
|---|--|
| văn hóa   | hóa                                    |
| 5. downtown (adj) /,daʊn'taʊn/: (thuộc) trung tâm thành phố | 13. index (n) 'indeks/: chỉ số         |
| 6. stuck (adj) stʌk/: mắc kẹt                               | 14. metro (n) /'metrəʊ/: tàu điện ngầm |
| 7. affordable (adj)/ə'fɔ:dəbl/: giá phải chăng              | 15. dweller (n) /'dwelə/: cư dân       |

## B. Grammar:

### 1. Comparison of adjectives and adverbs.

#### a. So sánh hơn với tính từ/trạng từ ( comparative form of adjectives/adverbs)

Để nhấn mạnh ý trong câu so sánh hơn, ta thêm much, a lot, a bit, a little và far vào sau hình thức so sánh của tính từ để diễn tả sự khác nhau lớn thế nào.

Vd: A DVD is much better than a video for watching film. ( Xem phim bằng đĩa DVD thì tốt hơn nhiều so với bằng video

#### b. So sánh hơn nhất với tính từ/trạng từ ( Superlative of adjectives/adverbs)

Với hình thái so sánh nhất của tính từ , ta có thể sử dụng second, third...

Vd: Karachi in Pakistan is the second largest city in the world in population.

### 2. Phrasal verbs.

- Bên cạnh một số cụm động từ có thể tách rời thì có những trường hợp động từ chính và tiêu từ luôn đi sát nhau, không bao giờ tách rời.

Vd: put up with, look after...

## UNIT 3. TEEN STRESS AND PRESSURE

### A. Vocabulary:

|  |   |
|--|---|
| 1. adolescence (n) /,ædə'lesns/: giai đoạn vị thành niên                       | 12. helpline (n) /'helplain/: đường dây trợ giúp                  |
| 2. adulthood (n) /'ædʌlthʊd/: giai đoạn trưởng thành                           | 13. house-keeping skill /haus-'ki:piŋ skɪl/: kỹ năng làm việc nhà |
| 3. calm (adj) /kɑ:m/: bình tĩnh  | 14. independence (n)/,ɪndɪ'pendəns/: sự độc lập                   |
| 4. cognitive skill/'kɒgnətɪv skɪl/: kỹ năng tư duy                             | 15. left out (adj) /left aʊt/: cảm thấy bị bỏ rơi                 |
| 5. concentrate (v) /kɒnsntreɪt/: tập trung                                     | 16. life skill /laɪf skɪl/: kỹ năng sống                          |
| 6. confident (adj) /'kɒnfɪdənt/: tự tin  | 17. resolve conflict (v) /rɪ'zɒlv 'kɒnflɪkt/: giải quyết xung đột |
| 7. delighted (adj) /dɪ'laɪtɪd/: vui sướng                                      | 18. risk taking (n)/rɪsk teɪkɪŋ/: liều lĩnh                       |
| 8. depressed (adj) /dɪ'prest/: tuyệt vọng                                      | 19. self-aware (adj) /self-ə'weə(r)/: tự nhận thức                |
| 9. embarrassed (adj) /ɪm'bærəst/: xấu hổ                                       | 20. self-disciplined (adj) /self-'dɪsəplɪnd/: tự rèn luyện        |
| 10. emergency (n) /i'mɜ:dʒənsi/: tình huống khẩn cấp                           | 21. tense (adj)/tens/: căng thẳng                                 |
| 11. frustrated (adj) /frʌ'streɪtɪd/: bức bối (vì không giải quyết được việc gì |   |

## B. Grammar:

### 1. Question words + to + V1.

Eg : We don't know **who to contact**.

### 2. Reported speech.

- Có 4 loại câu gián tiếp

a. Câu đề nghị , mệnh lệnh , lời khuyên.

- b. Câu trần thuật.  
 c. Câu hỏi có- không (Yes- No question) .  
 d. Câu hỏi có vấn từ (WH-question).

## EXERCISES

### I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the others.

- |                             |                       |                         |                        |
|-----------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|
| 1. a. pot <u>ter</u> y      | b. p <u>ro</u> duct   | c. w <u>or</u> kshop    | d. c <u>o</u> nical    |
| 2. a. surf <u>a</u> ce      | b. l <u>a</u> yer     | c. fr <u>a</u> me       | d. birthpl <u>a</u> ce |
| 3. a. weath <u>er</u>       | b. th <u>re</u> ad    | c. togeth <u>er</u>     | d. rat <u>h</u> er     |
| 4. a. hist <u>o</u> rical   | b. syst <u>em</u>     | c. landsc <u>a</u> pe   | d. bus <u>i</u> ness   |
| 5. a. carv <u>e</u> d       | b. impress <u>e</u> d | c. embroide <u>r</u> ed | d. weav <u>e</u> d     |
| 6. a. treas <u>u</u> re     | b. pleas <u>u</u> re  | c. ens <u>u</u> re      | d. meas <u>u</u> re    |
| 7. a. daught <u>er</u>      | b. aut <u>h</u> or    | c. laund <u>r</u> y     | d. sausag <u>e</u>     |
| 8. a. work <u>s</u>         | b. call <u>s</u>      | c. say <u>s</u>         | d. play <u>s</u>       |
| 9. a. educat <u>i</u> on    | b. graduat <u>e</u>   | c. individ <u>u</u> al  | d. confid <u>e</u> nt  |
| 10. a. embarras <u>s</u> ed | b. awaren <u>s</u> s  | c. aband <u>o</u> ned   | d. captai <u>n</u>     |

### II. Choose the word that has the main stress placed differently from the others.

- |                     |                |                 |                 |
|---------------------|----------------|-----------------|-----------------|
| 1. a. craftsman     | b. attraction  | c. museum       | d. department   |
| 2. a. embroider     | b. lantern     | c. impress      | d. desire       |
| 3. a. workshop      | b. remind      | c. outskirts    | d. village      |
| 4. a. competition   | b. generation  | c. conical      | d. authenticity |
| 5. a. family        | b. typical     | c. grandparents | d. embroider    |
| 6. a. frustrated    | b. confident   | c. delighted    | d. embarrassed  |
| 7. a. assure        | b. pressure    | c. figure       | d. leisure      |
| 8. a. concentration | b. favorable   | c. adolescence  | d. relaxation   |
| 9. a. recognize     | b. concentrate | c. assignment   | d. cognitive    |
| 10. a. teenager     | b. vehicle     | c. activate     | d. museum       |

### III. Choose the best answer A, B, C or D to complete the sentences.

1. Lacquering is a uniquely-performed \_\_\_\_\_ in Viet Nam.  
 A. tradition      B. production      C. culture      D. craft
2. The drawing and printing techniques have been \_\_\_\_\_ and inherited over many generations.  
 A. preserved      B. stored      C. prevented      D. treated
3. There is a \_\_\_\_\_ of employment opportunities in a city.  
 A. type      B. variety      C. group      D. change
4. Skillful hand-weaving techniques of the local \_\_\_\_\_ make Dinh An sedge mats a wonderful souvenir for visitors.  
 A. artists      B. actors      C. artefacts      D. artisans
5. Maybe we are worried about something so our \_\_\_\_\_ keeps wandering over to a particular issue.  
 A. brain      B. head      C. feeling      D. mind
6. The bamboo used to make conical hats must be split into very thin strings and then put into water \_\_\_\_\_ they can avoid tearing and any breakage.  
 A. because      B. since      C. so that      D. therefore
7. "Do you \_\_\_\_\_ your new classmate, or do you two argue?"

- A.get on with    B. turn down    C.face up to    D.keep up with
8. I suffer from depression and anxiety, but I don't know \_\_\_\_\_ to get over my problems.  
A.what    B.how    C.where    D.which
9. "My life's got stuck these days. I am so depressed and unable to think of anything."  
"\_\_\_\_\_"  
A. You will be tired.    B. Stay stuck there,  
C. Stay calm. Everything will be alright.    D. No, thanks.
10. "Mom, I've got the first rank in class this semester!" "\_\_\_\_\_"  
A. Well done!    B. Thank you!    C. Never mind!    D. Let's go!
11. Studies show that having good conflict \_\_\_\_\_ skills is associated with various positive outcomes.  
A. resolitional    B. resolving    C. resolve    D. resolution
12. For most of us, however, positive thinking and \_\_\_\_\_ can be learned.  
A. self-awareness    B. self-abuse    C. self-access    D. self-analysis
13. He asked her to marry him but she \_\_\_\_\_.  
A. carry him out    B. turned him down    C. took him out    D. let him in
14. The cost \_\_\_\_\_ living in Singapore is higher than any countries in South East Asia.  
A. for    B. on    C. of    D. in
15. I met James in a restaurant on Friday and he said that he had seen Caroline there \_\_\_\_\_.  
A. at this time    B. this day    C. today    D. that day
16. Jane said that she \_\_\_\_\_ come and look after the children the following day.  
A. can    B. will    C. could    D. must
17. The weather was \_\_\_\_\_ in England than in Spain last week.  
A. most warmer    B. by far warmer    C. more warmer    D. much warmer
18. \_\_\_\_\_ all our efforts to save the school, the authorities decided to close it.  
A. Since    B. Despite    C. Although    D. Because
19. He still doesn't know \_\_\_\_\_ his budget when living alone in the city.  
A. when to manage    B. how to manage    C. where to manage    D. what to manage
20. . Ha Noi also offers a nightlife \_\_\_\_\_ exciting as Ho Chi Minh City.  
A. more    B. as    C. so    D. the

#### IV. Find the mistakes and correct them

1. Jim wants to be a successful writer when he grows out.  
A    B    C    D
2. You can keep up to all the changes in technology nowadays.  
A    B    C    D
3. The nearby shop will be closed up next month.  
A    B    C    D
4. Last year, a research on the consequences of water pollution was carried on.  
A    B    C    D
5. The teacher asked us to see through the book before she continued  
A    B    C    D .
6. The old road is more narrow than the new one .  
A    B    C    D
7. I don't know how open the box.  
A    B    C    D
8. She said that she had gone there last week.  
A    B    C    D

9. The match was postponed because the bad weather.

A B C D

10. This is the two biggest house in our village .

A B C D

**V. Choose the word or phrase among A, B, C or D that best fits the blank space in the following passage.**

We know that nowadays students (1)\_\_\_\_\_ from test stress, and there are a few of the biggest causes. First, it is important to do your best and study hard, but you may push yourself too much to get a high grade, and (2)\_\_\_\_\_ can be hard to deal with. Second, many schools want to show high test grades from their students to (3)\_\_\_\_\_ that they are doing a good job of educating them. Therefore, they have high expectations for the teachers, who (4)\_\_\_\_\_ have high expectations for the students. In addition, most parents want to see great school (5)\_\_\_\_\_, and they can start pushing their children when test time (6)\_\_\_\_\_. Moreover, if you had a (7)\_\_\_\_\_ time with a test in the past, or if you have (8)\_\_\_\_\_ poorly on one or more tests, you could feel anxious about the next one. Finally, sometimes other students can (9)\_\_\_\_\_ rumors about a test, or you might hear things from older friends and siblings. Rumors like "That teacher's tests are totally impossible to pass!" can make you a lot (10)\_\_\_\_\_ nervous.

1. A. suffer B. prevent C. experience D. show
2. A. force B. causes C. grades D. pressure
3. A. make B. prove C. discover D. try
4. A. after B. again C. then D. than
5. A. events B. reports C. descriptions D. statements
6. A. comes around B. comes through C. comes to D. comes under
7. A. bad B. low C. pleasant D. harmful
8. A. come B. taken C. made D. done
9. A. expand B. spread C. reach D. extend
10. A. much B. over C. more D. less

**VI. Read the passage, and choose the correct answer A, B, C or D for each question.**

### **Sedge Mat Craft Village In Tien Giang Province**

In the Mekong Delta., Long Dinh village of Tien Giang province is famous for its traditional craft of weaving flowered mats. The mat's high quality makes them popular domestically, and they are also exported to markets worldwide including Korea, Japan and America.

In spite of its well-established reputation for this traditional craft, mat weaving only started here some 50 years ago. It was first introduced by immigrants from Kim Son, a famous mat weaving village in the northern province of Ninh Binh. However, the technique of weaving sedge mats in Long Dinh, as compared with other places in the South, is somewhat different. Long Dinh branded mats are thicker and have more attractive colours and patterns.

Weaving sedge mats is similar to growing rice. Long Dinh mat production mainly occurs during the dry season, from January to April. Weavers have to work their hardest in May and June, otherwise, when the rainy season starts in July, they will have to put off finishing their products till the next dry season. No matter how much work it requires, Long Dinh mat producers stick with this occupation, as it brings a higher income than growing rice.

This trade provides employment for thousands of local labourers. At present, nearly 1,000 households in Long Dinh village live on weaving mats. To better meet market demands, Long Dinh mat weavers have created more products in addition to the traditional sedge mats. Particularly, they are producing a new type of mat made from the dried stalks of water hyacinth, a common material in the Mekong Delta.

Thanks to the planning and further investment, the mat weaving occupation has indeed brought in more income for local residents. Their living standards have improved considerably, resulting in better conditions for the whole village.

1. **All of the following are true about the craft in Long Dinh EXCEPT that \_\_\_.**
  - A. it has the origin from Kim Son, Ninh Binh
  - B. it has had the reputation for more than 50 years
  - C. the techniques are a little bit different from those in other regions
  - D. the mats have more attractive colours and designs
2. **We can infer from the sentence "Weaving sedge mats is similar growing rice" that \_\_\_.**
  - A. both depend on weather conditions
  - B. both occur on the same land
  - C. both bring similar income
  - D. both occur at the same time
3. **Despite difficulties, people in Long Dinh try to follow the craft because \_\_\_\_.**
  - A. they can have jobs in the rainy months
  - B. they can go to Korea, Japan and America
  - C. they can make the techniques of weaving different
  - D. they can earn more money than growing rice
4. **In order to meet market demands, artisans in Long Dinh \_\_\_\_.**
  - A. produce new products from rare material
  - B. hire thousands of local labourers
  - C. try to produce various types of products
  - D. stop producing the traditional sedge mats
5. **We can infer from the passage that \_\_\_\_\_.**
  - A. the new technique makes labourers work in the dry season
  - B. Long Dinh mat production is only well-known in foreign markets
  - C. the craft contributes much to the village economy
  - D. most of the households in Long Dinh village live on weaving mats

**VII. Mark letter A, B, C or D to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.**

1. **Although his leg was broken, he managed to get out of the car.**
  - A. In spite his broken leg, he managed to get out of the car.
  - B. In spite of his broken leg, he managed to get out of the car.
  - C. In spite his leg broken, he managed to get out of the car.
  - D. In spite of his leg was broken, he managed to get out of the car.
2. **"What time did you come home last night, Mark?" said Tom.**
  - A. Tom asked Mark what time had he come home the previous night.
  - B. Tom asked Mark what time he had come home last night.
  - C. Tom asked Mark what time he came home last night.
  - D. Tom asked Mark what time he had come home the previous night.
3. **We last visited Ho Chi Minh city 3 years ago.**
  - A. We didn't visit Ho Chi Minh city for 3 years.
  - B. We haven't visited Ho Chi Minh city for 3 years.
  - C. We haven't visited Ho Chi Minh city for 3 years ago.
  - D. We didn't visit Ho Chi Minh city for 3 years ago.
4. **"Close your books and go out to play", the teacher said to us.**
  - A. The teacher told us close our books and go out to play.
  - B. The teacher told us to closing our books and go out to play.
  - C. The teacher told us closing our books and go out to play.

D. The teacher told us to close our books and go out to play.

**5. He is a much slower speaker than my brother.**

A. He speaks much more slowly than my brother.

B. He doesn't speak much more slowly than my brother.

C. He speaks much more quickly than my brother.

D. He doesn't speak much more quickly as my brother

**6. Jenifer is more intelligent than all the other students in my class.**

A. *No student in my class is as intelligent as Jenifer is.*

B. *No student in my class isn't as intelligent as Jenifer is.*

C. *No student in my class is as intelligent than Jenifer is.*

D. *No student in my class is more intelligent as Jenifer is.*

**7. My sister failed the exam because she was lazy.**

A. *Because my sister's laziness, she failed the exam.*

B. *Because of my sister's laziness, she failed the exam.*

C. *Because of my sister was lazy, she failed the exam.*

D. *Because of my sister laziness, she failed the exam.*

**8. "What is your name?" Mary asked Tom.**

A. Mary asked Tom what his name is.

B. Mary asked Tom what his name was.

C. Mary asked Tom what his name were.

D. Mary asked Tom what your name was.

**9. Nobody has invited me, so I'm not going to the party.**

A. Because I haven't been invited, I'm going to the party.

B. Because of I haven't been invited, I'm not going to the party.

C. Because I have been invited, I'm not going to the party.

D. Because I haven't been invited, I'm not going to the party.

**10. I'm looking for a job as a secretary.**

A. I'm looking for someone who works as a secretary.

B. I'm trying to find a job as a secretary.

C. A secretary is looking for a job as my job.

D. I was offered a job as a secretary.

**11. They / live / Moscow/ before / they / move / London.**

A. They lived in Moscow before they had moved to London.

B. They had lived in Moscow before they moved to London.

C. They had lived in Moscow before they had moved to London.

D. They were living in Moscow before they moved to London.

**12. The children couldn't go swimming because it was too cold.**

A. The children were not warm enough to go swimming.

B. It was not warm enough but the children went swimming.

C. It was too cold, so the children had to stay at home.

D. It was not warm enough for the children to go swimming.

**13. new/school/A/built/my/was/in/village/last year/.**

A. **A school was built in new my village last year.**

B. **A new school was built my village in last year.**

C. **A new school was built in my village last year.**



- D. A new school last year was built in my village last year.
14. Lan/to/didn't go/ school/ last /Friday/sick/because /she/was/.
- A. Lan didn't go to school last Friday because she was sick.
- B. Lan go didn't to school last Friday because she was sick.
- C. Lan was go to school last Friday because she didn't sick.
- D. Because Lan didn't go to school last Friday, she was sick.
15. sister/a lot/ baby/used/when/was/my/to/younger//cry/a/she.
- A. My younger sister used to cry a lot when she was a baby.
- B. My younger sister used cry to a lot when she was a baby.
- C. My younger sister used to a baby when she was cry a lot.
- D. When my younger sister used to cry she was a baby a lot.

**BGH duyệt**

**Lê Thị Ngọc Anh**

**I. Nội dung ôn tập**

*HS ôn lại kiến thức những bài sau:*

Bài 1: Sự phụ thuộc của cường độ dòng điện vào hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn

Bài 2: Điện trở của dây dẫn- Định luật Ôm

Bài 4: Đoạn mạch nối tiếp

Bài 5: Đoạn mạch song song

Bài 7: Sự phụ thuộc của điện trở vào chiều dài dây dẫn

Bài 8: Sự phụ thuộc của điện trở vào tiết diện dây dẫn

Bài 9: Sự phụ thuộc của điện trở vào vật liệu làm dây dẫn

Bài 10: Biến trở, điện trở dùng trong kĩ thuật

**II. Câu hỏi ôn tập**

**Câu 1: Một dây dẫn có chiều dài  $l$  và điện trở  $R$ . Nếu nối tiếp 4 dây dẫn trên với nhau thì dây mới có điện trở  $R'$  là bao nhiêu?**

A.  $R' = 4R$ .

B.  $R' = \frac{R}{4}$ .

C.  $R' = R + 4$ .

D.  $R' = R - 4$ .

**Câu 2: Khi đặt một hiệu điện thế 12V vào hai đầu một cuộn dây dẫn thì dòng điện qua nó có cường độ 1,5A. Chiều dài của dây dẫn dùng để quấn cuộn dây này là bao nhiêu? Biết rằng loại dây dẫn này nếu dài 6m có điện trở là  $2\ \Omega$ .**

A.  $l = 24\text{m}$

B.  $l = 18\text{m}$

C.  $l = 12\text{m}$

D.  $l = 8\text{m}$

**Câu 3:** Hai dây dẫn làm bằng đồng có cùng tiết diện. Dây thứ nhất có chiều dài 20cm và điện trở 5Ω. Dây thứ hai có điện trở 8Ω. Tính chiều dài dây thứ hai?

- A. 32cm.
- B. 12,5cm.
- C. 2cm.
- D. 23 cm.

**Câu 4:** Hai dây dẫn được làm từ cùng một vật liệu có cùng tiết diện, có chiều dài lần lượt là  $l_1, l_2$ . Điện trở tương ứng của chúng thỏa điều kiện nào dưới đây?

A.  $\frac{R_1}{R_2} = \frac{l_1}{l_2}$ .      B.  $\frac{R_1}{R_2} = \frac{l_2}{l_1}$ .      C.  $R_1 \cdot R_2 = l_1 \cdot l_2$ .      D.  $R_1 \cdot l_1 = R_2 \cdot l_2$

**Câu 5:** Một dây dẫn có chiều dài  $l = 3m$ , điện trở  $R = 3 \Omega$ , được cắt thành hai dây có chiều dài lần lượt là  $l_1 = \frac{1}{3}$ ,  $l_2 = \frac{21}{3}$  và có điện trở tương ứng  $R_1, R_2$ . Kết luận nào dưới đây là SAI?

- A.  $R_1 = 1\Omega$ .
- B.  $R_2 = 2\Omega$ .
- C. Điện trở tương đương của  $R_1$  mắc song song với  $R_2$  là  $R_{ss} = \frac{3}{2} \Omega$ .
- D. Điện trở tương đương của  $R_1$  mắc nối tiếp với  $R_2$  là  $R_{nt} = 3\Omega$ .

**Câu 6:** Hai dây dẫn bằng đồng có cùng chiều dài. Dây thứ nhất có tiết diện  $S_1 = 0.5mm^2$  và điện trở  $R_1 = 8,5 \Omega$ . Dây thứ hai có điện trở  $R_2 = 127,5\Omega$ . Tiết diện của dây thứ 2 là bao nhiêu?

- A.  $S_2 = 0,33 mm^2$
- B.  $S_2 = 0,5 mm^2$
- C.  $S_2 = 15 mm^2$
- D.  $S_2 = 0,033 mm^2$ .

**Câu 7:** Một dây dẫn bằng đồng có điện trở 9,6Ω với lõi gồm 30 sợi đồng mảnh có tiết diện như nhau. Điện trở của mỗi sợi dây mảnh là bao nhiêu?

- A.  $R = 9,6 \Omega$ .
- B.  $R = 0,32 \Omega$ .
- C.  $R = 288 \Omega$ .
- D.  $R = 28,8 \Omega$ .

**Câu 8:** Hai dây dẫn đều làm bằng đồng có cùng chiều dài  $l$ . Dây thứ nhất có tiết diện  $S$  và điện trở 6Ω. Dây thứ hai có tiết diện 2S. Điện trở dây thứ hai là bao nhiêu?

- A. 12 Ω.
- B. 9 Ω.
- C. 6 Ω.
- D. 3 Ω.

**Câu 9:** Hai dây dẫn hình trụ được làm từ cùng một vật liệu, có cùng chiều dài, có tiết diện lần lượt là  $S_1, S_2$ , điện trở tương ứng của chúng thỏa mãn điều kiện nào dưới đây?

A.  $\frac{R_1}{R_2} = \frac{S_1}{S_2}$ .      B.  $\frac{R_1}{R_2} = \frac{S_2}{S_1}$ .      C.  $\frac{R_1}{R_2} = \frac{S_1^2}{S_2^2}$ .      D.  $\frac{R_1}{R_2} = \frac{S_2^2}{S_1^2}$ .

**Câu 10:** Một sợi dây làm bằng kim loại dài  $l_1 = 150 m$ , có tiết diện  $S_1 = 0,4 mm^2$  và có điện trở  $R_1$  bằng 60 Ω. Hỏi một dây khác làm bằng kim loại đó dài  $l_2 = 30m$  có điện trở  $R_2 = 30\Omega$  thì có tiết diện  $S_2$  là bao nhiêu?

- A.  $S_2 = 0,8mm^2$
- B.  $S_2 = 0,16mm^2$
- C.  $S_2 = 1,6mm^2$
- D.  $S_2 = 0,08 mm^2$

**Câu 11:** Biến trở là một linh kiện có tác dụng gì?

- A. Dùng để thay đổi vật liệu dây dẫn trong mạch.

- B. Dùng để điều chỉnh cường độ dòng điện trong mạch.
- C. Dùng để điều chỉnh hiệu điện thế giữa hai đầu mạch.
- D. Dùng để thay đổi khối lượng riêng dây dẫn trong mạch.

**Câu 12: Khi dịch chuyển con chạy hoặc tay quay của biến trở, đại lượng nào sau đây sẽ thay đổi?**

- A. Tiết diện dây dẫn của biến trở.
- B. Điện trở suất của chất làm biến trở của dây dẫn.
- C. Chiều dài dây dẫn của biến trở.
- D. Nhiệt độ của biến trở.

**Câu 13: Trên một biến trở có ghi  $50 \Omega - 2,5 \text{ A}$ . Hiệu điện thế lớn nhất được phép đặt lên hai đầu dây cố định của biến trở là bao nhiêu?**

- A.  $U = 125 \text{ V}$  .
- B.  $U = 50,5 \text{ V}$  .
- C.  $U = 20 \text{ V}$  .
- D.  $U = 47,5 \text{ V}$  .

**Câu 14: Một điện trở con chạy được quấn bằng dây hợp kim nicroôm có điện trở suất  $\rho = 1,1 \cdot 10^{-6} \Omega \cdot \text{m}$ , đường kính tiết diện  $d_1 = 0,5 \text{ mm}$ , chiều dài dây là  $6,28 \text{ m}$ . Điện trở lớn nhất của biến trở là bao nhiêu?**

- A.  $3,52 \cdot 10^{-3} \Omega$  .
- B.  $3,52 \Omega$  .
- C.  $35,2 \Omega$  .
- D.  $352 \Omega$  .

**Câu 15: Phát biểu nào sau đây đúng nhất khi nói về mối liên hệ giữa cường độ dòng điện qua một dây dẫn và hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó?**

- A. Cường độ dòng điện qua một dây dẫn tỉ lệ với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó.
- B. Cường độ dòng điện chạy qua một dây dẫn tỉ lệ thuận với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó.
- C. Cường độ dòng điện qua một dây dẫn tỉ lệ nghịch với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó.
- D. Cường độ dòng điện qua một dây dẫn không tỉ lệ với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó.

**Câu 16: Khi hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn tăng thì cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn sẽ thay đổi như thế nào?**

- A. Không đổi.
- B. Giảm tỉ lệ với hiệu điện thế
- C. Có lúc tăng, có lúc giảm
- D. Tăng tỉ lệ với hiệu điện thế.

**Câu 17: Đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của cường độ dòng điện vào hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn có dạng gì?**

- A. Một đường thẳng đi qua gốc tọa độ.
- B. Một đường thẳng không đi qua gốc tọa độ .
- C. Một đường cong đi qua gốc tọa độ.
- D. Một đường cong không đi qua gốc tọa độ.

**Câu 18: Để tìm hiểu sự phụ thuộc của cường độ dòng điện vào hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn ta tiến hành thí nghiệm như thế nào?**

- A. Đo hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn với những cường độ dòng điện khác nhau.
- B. Đo cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn ứng với các hiệu điện thế khác nhau đặt vào hai đầu dây dẫn.
- C. Đo điện trở của dây dẫn với những hiệu điện thế khác nhau.
- D. Đo điện trở của dây dẫn với những cường độ dòng điện khác nhau.

**Câu 19: Khi thay đổi hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn, cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn có mối quan hệ như thế nào với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn?**

- A. Tỉ lệ thuận với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó.

- B. Tỷ lệ nghịch với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó.
- C. Chỉ tỷ lệ khi hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó tăng.
- D. Không tỷ lệ với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó.

**Câu 20:** Nếu hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn tăng 1,2 lần thì cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn đó sẽ thay đổi như thế nào?

- A. Tăng 2,4 lần.
- B. Giảm 2,4 lần.
- C. Giảm 1,2 lần.
- D. Tăng 1,2 lần.

**Câu 21:** Khi đặt vào hai đầu dây dẫn một hiệu điện thế 6V thì cường độ dòng điện qua nó là 0,5A. Nếu hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn là 24V thì cường độ dòng điện qua nó là bao nhiêu?

- A. 1,5A.
- B. 2A.
- C. 3A.
- D. 1A.

**Câu 22:** Điện trở của một dây dẫn xác định có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Tỷ lệ thuận với điện trở đặt vào hai đầu dây dẫn.
- B. Tỷ lệ nghịch với cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn đó.
- C. Không thay đổi đối với một dây dẫn xác định.
- D. Càng lớn khi cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn càng tăng

**Câu 23:** Điện trở R của dây dẫn biểu thị cho điều gì?

- A. Tính cản trở dòng điện nhiều hay ít của dây
- B. Tính cản trở hiệu điện thế nhiều hay ít của dây.
- C. Tính cản trở electron nhiều hay ít của dây.
- D. Tính cản trở điện lượng nhiều hay ít của dây.

**Câu 24:** Câu nào dưới đây là nội dung định luật Ôm?

- A. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tỷ lệ với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn và tỷ lệ với điện trở của dây.
- B. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tỷ lệ thuận với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn và không tỷ lệ với điện trở của dây.
- C. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tỷ lệ thuận với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn và tỷ lệ nghịch với điện trở của dây.
- D. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tỷ lệ nghịch với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn và tỷ lệ thuận với điện trở của dây.

**Câu 25:** Biểu thức đúng của định luật Ôm là gì?

- A.  $R = \frac{U}{I}$ .
- B.  $I = \frac{U}{R}$ .
- C.  $I = \frac{R}{U}$ .
- D.  $U = I.R$ .

**Câu 26:** Cường độ dòng điện chạy qua điện trở  $R = 6\Omega$  là 0,6A. Khi đó hiệu điện thế giữa hai đầu điện trở là bao nhiêu?

- A. 3,6V.
- B. 36V.
- C. 0,1V.
- D. 10V.

**Câu 27:** Mắc một dây dẫn có điện trở  $R = 12\Omega$  vào hiệu điện thế 3V thì cường độ dòng điện qua nó là bao nhiêu?

- A. 36A.
- B. 4A.
- C. 2,5A.
- D. 0,25A.

**Câu 28:** Một dây dẫn khi mắc vào hiệu điện thế 6V thì cường độ dòng điện qua dây dẫn là 0,5A. Dây dẫn ấy có điện trở là bao nhiêu?

- A.  $3\Omega$ .
- B.  $12\Omega$ .
- C.  $0,33\Omega$ .
- D.  $1,2\Omega$ .

**Câu 29:** Chọn biến đổi đúng trong các biến đổi sau.

- A.  $1k\Omega = 1000\Omega = 0,01M\Omega$
- B.  $1M\Omega = 1000k\Omega = 1.000.000\Omega$

C.  $1\Omega = 0,001k\Omega = 0,0001M\Omega$

D.  $10\Omega = 0,1k\Omega = 0,00001M\Omega$

**Câu 30:** Đặt một hiệu điện thế  $U = 12V$  vào hai đầu một điện trở. Cường độ dòng điện là  $2A$ . Nếu tăng hiệu điện thế lên  $1,5$  lần thì cường độ dòng điện là bao nhiêu?

A.  $3A$ .

B.  $1A$ .

C.  $0,5A$ .

D.  $0,25A$ .

**Câu 31:** Đặt vào hai đầu một điện trở  $R$  một hiệu điện thế  $U = 12V$ , khi đó cường độ dòng điện chạy qua điện trở là  $1,2A$ . Nếu giữ nguyên hiệu điện thế nhưng muốn cường độ dòng điện qua điện trở là  $0,8A$  thì ta phải tăng điện trở thêm một lượng là bao nhiêu?

A.  $4,0\Omega$ .

B.  $4,5\Omega$ .

C.  $5,0\Omega$ .

D.  $5,5\Omega$ .

**Câu 32:** Khi đặt hiệu điện thế  $4,5V$  vào hai đầu một dây dẫn thì dòng điện chạy qua dây này có cường độ  $0,3A$ . Nếu tăng cho hiệu điện thế này thêm  $3V$  nữa thì dòng điện chạy qua dây dẫn có cường độ là bao nhiêu?

A.  $0,2A$ .

B.  $0,5A$ .

C.  $0,9A$ .

D.  $0,6A$ .

**Câu 33:** Một dây dẫn khi mắc vào hiệu điện thế  $5V$  thì cường độ dòng điện qua nó là  $100mA$ . Khi hiệu điện thế tăng thêm  $20\%$  giá trị ban đầu thì cường độ dòng điện qua nó là bao nhiêu?

A.  $25mA$ .

B.  $80mA$ .

C.  $110mA$ .

D.  $120mA$ .

**Câu 34:** Công thức nào dưới đây là công thức tính cường độ dòng điện qua mạch khi có hai điện trở mắc song song?

A.  $I = I_1 = I_2$

B.  $I = I_1 + I_2$

C.  $\frac{I_1}{I_2} = \frac{R_1}{R_2}$

D.  $\frac{I_1}{I_2} = \frac{U_2}{U_1}$

**Câu 35:** Trong các phát biểu sau đây phát biểu nào là SAI?

A. Để đo cường độ dòng điện phải mắc ampe kế nối tiếp với dụng cụ cần đo.

B. Để đo hiệu điện thế hai đầu một dụng cụ cần mắc vôn kế song song với dụng cụ cần đo.

C. Để đo điện trở phải mắc oát kế song song với dụng cụ cần đo.

D. Để đo điện trở một dụng cụ cần mắc một ampe kế nối tiếp với dụng cụ và một vôn kế song song với dụng cụ đó.

**Câu 36:** Phát biểu nào dưới đây là đúng?

A. Cường độ dòng điện qua các mạch song song luôn bằng nhau.

B. Để tăng điện trở của mạch, ta phải mắc một điện trở mới song song với mạch cũ.

C. Khi các bóng đèn được mắc song song, nếu bóng đèn này tắt thì các bóng đèn kia vẫn hoạt động.

D. Khi mắc song song, mạch có điện trở lớn thì cường độ dòng điện đi qua lớn.

**Câu 37:** Câu nào dưới đây là SAI?

A. Điện trở tương đương  $R$  của  $n$  điện trở  $r$  mắc nối tiếp:  $R = n.r$

B. Điện trở tương đương  $R$  của  $n$  điện trở  $r$  mắc song song:  $R = \frac{r}{n}$

C. Điện trở tương đương của mạch mắc song song nhỏ hơn điện trở mỗi thành phần

D. Trong đoạn mạch mắc song song cường độ dòng điện qua các điện trở là bằng nhau

**Câu 38:** Công thức nào là đúng khi mạch điện có hai điện trở mắc song song?

A.  $U = U_1 = U_2$

B.  $U = U_1 + U_2$

C.  $\frac{U_1}{U_2} = \frac{R_1}{R_2}$

D.  $\frac{U_1}{U_2} = \frac{I_2}{I_1}$

**Câu 39:** Câu phát biểu nào đúng khi nói về cường độ dòng điện trong mạch mắc nối tiếp và song song ?

A. Cường độ dòng điện bằng nhau trong các đoạn mạch

B. Hiệu điện thế tỉ lệ thuận với điện trở của các đoạn mạch

C. Cách mắc thì khác nhau nhưng hiệu điện thế thì như nhau ở các đoạn mạch mắc nối tiếp và song song

D. Cường độ dòng điện bằng nhau trong các đoạn mạch nối tiếp , tỉ lệ nghịch với điện trở trong các đoạn mạch mắc song song .

**Câu 40:** Các công thức sau đây công thức nào là công thức tính điện trở tương đương của hai điện trở mắc song song?.

A.  $R = R_1 + R_2$

B.  $R = \frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2}$

C.  $\frac{1}{R} = \frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2}$

D.  $R = \frac{R_1 R_2}{R_1 - R_2}$

**Ban giám hiệu**

Ký duyệt

**Lê Thị Ngọc Anh**

### A. LÝ THUYẾT

- Tính chất hóa học của oxit, axit, bazo.

- Tính chất, phương pháp điều chế, ứng dụng của các oxit, axit, bazo điển hình: CaO, SO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, NaOH, Ca(OH)<sub>2</sub>.

### B. BÀI TẬP TỰ LUYỆN

**I. Trắc nghiệm:** Học sinh ghi lại đáp án đúng nhất cho các câu hỏi sau vào vở ghi.

#### Chủ đề: Oxit

**Câu 1.** Hòa tan hoàn toàn x gam CuO trong 200 ml dd HCl 0,5 M thì vừa đủ. Tính x.

- A. 8 g                      B. 4 g                      C. 0,8 g                      D. 0,4 g

**Câu 2.** Dãy oxit tác dụng với dung dịch H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> loãng tạo thành muối và nước là

- A. MgO, Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>, CO<sub>2</sub>                      B. MgO, Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>, CuO  
C. MgO, Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>, SO<sub>3</sub>                      D. MgO, Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>, P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>

**Câu 3.** Chất khí nào sau đây là nguyên nhân chính gây ra mưa axit?

- A. CO<sub>2</sub>                      B. CH<sub>4</sub>                      C. H<sub>2</sub>                      D. SO<sub>2</sub>

**Câu 4.** Các oxit tác dụng được với nước là

- A. CaO, FeO, NO<sub>2</sub>                      B. PbO<sub>2</sub>, K<sub>2</sub>O, SO<sub>3</sub>                      C. BaO, K<sub>2</sub>O, Na<sub>2</sub>O                      D. Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>, NO, SO<sub>2</sub>

**Câu 5.** Để tẩy trắng và chống nấm mốc các sản phẩm như dược liệu, măng khô, hoa quả khô,... ta phải dùng chất nào sau đây?

- A. CaO                      B. HCl                      C. SO<sub>2</sub>                      D. H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>

**Câu 6.** Khí ẩm nào sau đây có thể được làm khô bằng canxi oxit?

- A. SO<sub>3</sub>                      B. SO<sub>2</sub>                      C. H<sub>2</sub>                      D. CO<sub>2</sub>

**Câu 7.** Dãy chất nào sau đây chỉ gồm các oxit bazo?

- A. CuO, CaO, MgO                      B. CO<sub>2</sub>, K<sub>2</sub>O, Na<sub>2</sub>O                      C. CuO, NO, MgO                      D. CO, P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>, Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>

**Câu 8.** Thành phần chính của đá vôi có công thức hoá học là

- A. CaCO<sub>3</sub>                      B. CaO                      C. Ca(OH)<sub>2</sub>                      D. CaSO<sub>4</sub>

**Câu 9.** Dãy chất nào sau đây đều là các oxit axit?

- A. CO, SO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>O                      B. SO<sub>2</sub>, P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>, CO<sub>2</sub>  
C. Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>, CaO, FeO                      D. CO<sub>2</sub>, Na<sub>2</sub>O, NO

**Câu 10.** Để tách riêng Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub> ra khỏi hỗn hợp Na<sub>2</sub>O và Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub> ta có thể dùng chất nào sau đây?

- A. Giấy quì tím                      B. Nước                      C. dd HCl                      D. dd KOH

**Câu 11.** Dung dịch nào sau đây tác dụng với CuO tạo ra sản phẩm là dung dịch có màu xanh lục?

- A. dd HCl                      B. dd Ba(OH)<sub>2</sub>                      C. dd K<sub>2</sub>CO<sub>3</sub>                      D. dd KOH

**Câu 12.** CaO dùng làm chất khử chua đất trồng và xử lí nước thải là ứng dụng tính chất hóa học gì của CaO?

- A. Tác dụng với oxit axit.                      B. Tác dụng với muối.  
C. Tác dụng với axit.                      D. Tác dụng với bazo.

**Câu 13.** Dung dịch NaOH phản ứng với các oxit nào sau đây?

- A. Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>, MgO.                      B. CO<sub>2</sub>, CuO.                      C. SO<sub>2</sub>, P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>.                      D. Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub>, SO<sub>3</sub>.



**Câu 14.** Lưu huỳnh đioxit được tạo thành từ cặp chất nào sau đây?

- A.  $K_2SO_4$  và HCl      B.  $K_2SO_3$  và HCl      C.  $H_2SO_4$  và  $Ca(OH)_2$       D.  $H_2SO_4$  và NaOH

### Chủ đề Axit

**Câu 15.** Dung dịch  $H_2SO_4$  loãng tác dụng với chất nào sau đây tạo ra khí hidro?

- A. Cu      B. Mg      C. BaO      D. KOH

**Câu 16.** Có thể nhận biết các dung dịch không màu: NaOH, HCl,  $H_2SO_4$  bằng thuốc thử nào dưới đây?

- A. Quì tím.      B. dd  $BaCl_2$ .  
C. Quì tím và dd  $BaCl_2$ .      D. Quì tím và dd KOH.

**Câu 17.** Tính chất hóa học nào sau đây không phải là của axit?

- A. Tác dụng với oxit bazo.      B. Tác dụng với kim loại.  
C. Tác dụng với bazo.      D. Tác dụng với oxit axit.

**Câu 18.** Dãy chất nào sau đây đều là axit?

- A. KOH, NaOH,  $Ca(OH)_2$ .      B.  $K_2O$ ,  $Na_2O$ , BaO.  
C.  $KHCO_3$ ,  $MgCO_3$ ,  $BaSO_3$ .      D. HCl,  $H_2SO_4$ ,  $HNO_3$ .

**Câu 19.** Trung hòa 200 g dung dịch NaOH 10% bằng dung dịch có chứa 21,9 g HCl. Khối lượng muối thu được là

- A. 29,25 g      B. 35,1 g      C. 292,5 g      D. 351 g

**Câu 20.** Axit sunfuric  $H_2SO_4$  đặc, nóng tác dụng với đồng kim loại sinh ra khí

- A.  $CO_2$       B.  $SO_2$       C.  $H_2S$       D.  $H_2$

**Câu 21.** Sau khi làm thí nghiệm, có những khí thải độc hại: HCl,  $H_2S$ ,  $CO_2$ ,  $SO_2$ . Dùng chất nào sau đây để loại bỏ chúng là tốt nhất?

- A. Muối NaCl      B. Nước vôi trong      C. dd HCl      D. dd  $NaNO_3$

**Câu 22.** Muốn pha loãng axit sunfuric đặc ta phải

- A. rót từ từ axit đặc vào nước      B. rót nhanh axit đặc và nước  
C. rót nhanh nước vào axit đặc      D. rót từ từ nước vào axit đặc

### Chủ đề Bazo

**Câu 24.** Dung dịch NaOH phản ứng với các oxit nào sau đây?

- A.  $Al_2O_3$ , MgO.      B.  $CO_2$ , CuO.      C.  $SO_2$ ,  $P_2O_5$ .      D.  $Fe_2O_3$ ,  $SO_3$ .

**Câu 25.** Bazo tan và bazo không tan có tính chất hóa học chung là

- A. làm quì tím hóa xanh.  
B. bị nhiệt phân hủy tạo ra oxit bazo và nước.  
C. tác dụng với axit tạo thành muối và nước.  
D. tác dụng với oxit axit tạo thành muối và nước.

**Câu 26.** Dung dịch NaOH **không** có tính chất nào sau đây?

- A. Làm đổi màu quỳ tím và phenophalein  
B. Bị nhiệt phân hủy khi đun nóng tạo thành oxit bazo và nước.  
C. Tác dụng với oxit axit tạo thành muối và nước  
D. Tác dụng với axit tạo thành muối và nước

**Câu 27.** Nhỏ một giọt quỳ tím vào dung dịch NaOH, dung dịch có màu xanh, nhỏ từ từ dung dịch HCl cho tới dư vào dung dịch có màu xanh trên thì

- A. Màu xanh đậm thêm dần.  
B. Màu xanh vẫn không thay đổi.  
C. Màu xanh nhạt dần rồi mất hẳn.  
D. Màu xanh nhạt dần, mất hẳn rồi chuyển sang màu đỏ.

**Câu 28.** Có 2 dung dịch không màu là  $\text{Ca}(\text{OH})_2$  và  $\text{NaOH}$ . Để phân biệt 2 dung dịch này bằng phương pháp hóa học dùng

- A. dd  $\text{HCl}$                       B.  $\text{CO}_2$                       C. dd phenolphtalein                      D. nhiệt phân hủy

**Câu 29.** Điện phân dung dịch  $\text{NaCl}$  bão hoà, có màng ngăn giữa hai điện cực, sản phẩm thu được là

- A.  $\text{NaClO}$ ,  $\text{H}_2$ .                      B.  $\text{NaOH}$ ,  $\text{Cl}_2$ .                      C.  $\text{NaOH}$ ,  $\text{H}_2$ ,  $\text{Cl}_2$ .                      D.  $\text{NaClO}$ ,  $\text{H}_2$ ,  $\text{Cl}_2$ .

**Câu 30.** Bazơ nào sau đây khi nung nóng tạo ra oxit?

- A.  $\text{Ca}(\text{OH})_2$ .                      B.  $\text{KOH}$ .                      C.  $\text{NaOH}$ .                      D.  $\text{Cu}(\text{OH})_2$ .

**Câu 31.** Vôi tôi có công thức hoá học là

- A.  $\text{CaSO}_4$ .                      B.  $\text{CaO}$ .                      C.  $\text{Ca}(\text{OH})_2$ .                      D.  $\text{CaCO}_3$ .

**Câu 32.** Phản ứng giữa dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$  và dung dịch  $\text{NaOH}$  là phản ứng

- A. thế.                      B. hóa hợp.                      C. trung hòa.                      D. phân hủy.

**Câu 33.** Bazơ nào sau đây tan trong nước tạo dung dịch bazơ (kiềm)?

- A.  $\text{Zn}(\text{OH})_2$ .                      B.  $\text{Mg}(\text{OH})_2$ .                      C.  $\text{KOH}$ .                      D.  $\text{Fe}(\text{OH})_3$ .

**Câu 34.** Cho sơ đồ phản ứng sau:  $\text{Ca}(\text{OH})_2 + \text{SO}_2 \rightarrow \text{X} + \text{H}_2\text{O}$ . X là chất nào sau đây?

- A.  $\text{CaSO}_2$                       B.  $\text{CaSO}_3$                       C.  $\text{CaSO}_4$                       D.  $\text{Ca}(\text{SO}_3)_2$

**Câu 35.**  $\text{NaOH}$  có tính chất vật lý nào sau đây?

- A. Natri hiđroxit là chất rắn không màu, ít tan trong nước  
B. Natri hiđroxit là chất rắn không màu, hút ẩm mạnh, tan nhiều trong nước và tỏa nhiệt  
C. Natri hiđroxit là chất rắn không màu, hút ẩm mạnh và không tỏa nhiệt  
D. Natri hiđroxit là chất rắn không màu, không tan trong nước, không tỏa nhiệt.

**Câu 36.** Cặp chất nào sau đây cùng tồn tại trong một dung dịch (không phản ứng với nhau)?

- A.  $\text{NaOH}$  và  $\text{Ca}(\text{OH})_2$                       B.  $\text{KOH}$  và  $\text{H}_2\text{SO}_4$   
C.  $\text{Ba}(\text{OH})_2$  và  $\text{H}_2\text{SO}_4$                       D.  $\text{H}_3\text{PO}_4$  và  $\text{Ca}(\text{OH})_2$

**Câu 37.** Có những bazơ  $\text{Ba}(\text{OH})_2$ ,  $\text{Mg}(\text{OH})_2$ ,  $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ,  $\text{Ca}(\text{OH})_2$ . Nhóm các bazơ làm quỳ tím hoá xanh là:

- A.  $\text{Ba}(\text{OH})_2$ ,  $\text{Cu}(\text{OH})_2$                       B.  $\text{Ba}(\text{OH})_2$ ,  $\text{Ca}(\text{OH})_2$   
C.  $\text{Mg}(\text{OH})_2$ ,  $\text{Ca}(\text{OH})_2$                       D.  $\text{Mg}(\text{OH})_2$ ,  $\text{Ba}(\text{OH})_2$

**Câu 38.** Phản ứng hoá học nào sau đây tạo ra oxit bazơ?

- A. Cho dd  $\text{Ca}(\text{OH})_2$  phản ứng với  $\text{SO}_2$                       B. Cho dd  $\text{NaOH}$  phản ứng với dd  $\text{H}_2\text{SO}_4$   
C. Cho dd  $\text{Cu}(\text{OH})_2$  phản ứng với  $\text{HCl}$                       D. Nung nóng  $\text{Cu}(\text{OH})_2$

**Câu 39.** Cho các bazơ sau:  $\text{Fe}(\text{OH})_3$ ,  $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ,  $\text{Zn}(\text{OH})_2$ . Khi nung nóng các bazơ trên tạo ra dãy oxit bazơ tương ứng là:

- A.  $\text{FeO}$ ,  $\text{Al}_2\text{O}_3$ ,  $\text{CuO}$ ,  $\text{ZnO}$                       B.  $\text{Fe}_2\text{O}_3$ ,  $\text{CuO}$ ,  $\text{ZnO}$   
C.  $\text{Fe}_3\text{O}_4$ ,  $\text{Al}_2\text{O}_3$ ,  $\text{CuO}$ ,  $\text{ZnO}$                       D.  $\text{Fe}_2\text{O}_3$ ,  $\text{Cu}_2\text{O}$ ,  $\text{ZnO}$

**II. Tự luận:** Học sinh trình bày bài làm vào vở ghi.

**Câu 1.** Hoà tan 24,3 gam hỗn hợp gồm  $\text{Mg}$  và  $\text{Zn}$  bằng dung dịch  $\text{HCl}$  1,5M thì thu được 11,2 lít  $\text{H}_2$  (đktc).

a) Tính khối lượng mỗi kim loại trong hỗn hợp ban đầu.

b) Tính nồng độ mol các chất có trong dung dịch sau phản ứng. Biết thể tích dung dịch thay đổi không đáng kể.

**Câu 2.** Cho 2,8 gam hỗn hợp  $\text{NaOH}$  và  $\text{KOH}$  phản ứng hết trong 400 gam dung dịch  $\text{HCl}$  thu được 4,31 gam muối clorua.

a) Tính khối lượng mỗi bazơ trong hỗn hợp ban đầu.

b) Tính nồng độ phần trăm của các chất có trong dung dịch sau phản ứng.

( $\text{H} = 1$ ,  $\text{C} = 12$ ,  $\text{N} = 14$ ,  $\text{O} = 16$ ,  $\text{Na} = 23$ ,  $\text{Mg} = 24$ ,  $\text{Al} = 27$ ,  $\text{P} = 31$ ,  $\text{S} = 32$ ,  $\text{Cl} = 35,5$ ,  $\text{K} = 39$ ,

**Ca = 40, Mn = 55, Fe = 56, Cu = 64, Zn = 65, Br = 80, Ag = 108, Ba = 137, Pb = 207)**

**Ban giám hiệu**

Ký duyệt

**Lê Thị Ngọc Anh**



C. BbDD và BBDD.

D. BbDd và bbDD.

**Câu 10:** Ở người, gen B quy định tóc thẳng trội hoàn toàn so với gen b quy định tóc xoăn. Mẹ và bố phải có kiểu gen và kiểu hình nào trong các trường hợp sau để sinh con ra có người tóc thẳng, có người tóc xoăn?

A. Mẹ tóc thẳng (BB) x Bố tóc xoăn (bb).

B. Mẹ tóc xoăn (bb) x Bố tóc xoăn (bb).

C. Mẹ tóc thẳng (BB) x Bố tóc thẳng (Bb).

D. Mẹ tóc xoăn (bb) x Bố tóc thẳng (Bb).

**Câu 11:** Theo Mendel, với n cặp gen dị hợp phân li độc lập thì số lượng các loại kiểu gen được xác định theo công thức nào?

A.  $2^n$ .

B.  $3^n$ .

C.  $4^n$ .

D.  $5^n$ .

**Câu 12:** Theo Mendel, với n cặp gen dị hợp phân li độc lập thì số lượng các loại kiểu hình được xác định theo công thức nào?

A.  $2^n$ .

B.  $3^n$ .

C.  $4^n$ .

D.  $5^n$ .

**Câu 13:** Các chữ in hoa là alen trội và chữ thường là alen lặn. Mỗi gen quy định 1 tính trạng. Cơ thể mang kiểu gen AaBbDdeeFf khi giảm phân bình thường cho số loại giao tử là

A. 4.

B. 8.

C. 16.

D. 32.

**Câu 14:** Các chữ in hoa là alen trội và chữ thường là alen lặn. Mỗi gen quy định 1 tính trạng. Cơ thể mang kiểu gen BbDdEEff khi giảm phân bình thường sinh ra các kiểu giao tử là

A. B, B, D, d, E, e, F, f.

B. BDEf, bdEf, BdEf, bDEf.

C. BbEE, Ddff, BbDd, Eeff.

D. BbDd, Eeff, Bbff, DdEE.

**Câu 15:** Các chữ in hoa là alen trội và chữ thường là alen lặn. Mỗi gen quy định 1 tính trạng. Cho cá thể mang kiểu gen AabbDDEeFf tự thụ phấn thì số tổ hợp giao tử tối đa là

A. 32.

B. 64.

C. 128.

D. 256.

**Câu 16:** Các chữ in hoa là alen trội và chữ thường là alen lặn. Mỗi gen quy định 1 tính trạng. Thực hiện

phép lai: P: ♀ AaBbCcDd x ♂ AabbCcDD. Tỷ lệ phân li của kiểu hình A-B-C-D- là

A. 3/32.

B. 5/32.

C. 7/32.

D. 9/32.

**Câu 17:** Phép lai tạo ra hai kiểu hình ở con lai là

A. MMnnpp x mmNNPP

B. MmNnPp x MmNnPp

C. MMNNPP x mmnnpp

D. MmNnPp x MMnnPP

**Câu 18:** Hiện tượng nhiều gen cùng phân bố trên chiều dài của NST hình thành lên

A. nhóm gen liên kết

B. cặp NST tương đồng

C. các cặp gen tương phản

D. nhóm gen độc lập

**Câu 19:** Đặc điểm nào sau đây đúng với hiện tượng di truyền liên kết hoàn toàn?

A. Các cặp gen quy định các cặp tính trạng nằm trên các cặp nhiễm sắc thể khác nhau.

B. Làm xuất hiện các biến dị tổ hợp, rất đa dạng và phong phú.

C. Luôn tạo ra các nhóm gen liên kết quý mới.

D. Làm hạn chế sự xuất hiện các biến dị tổ hợp.

**Câu 20:** Ở ruồi giấm, thân xám trội so với thân đen, cánh dài trội so với cánh cụt. Theo Moocgan, khi lai ruồi thân xám, cánh dài thuần chủng với ruồi thân đen, cánh cụt được F<sub>1</sub> toàn thân xám, cánh dài. Cho con đực F<sub>1</sub> lai với con cái thân đen, cánh cụt thu được tỉ lệ

A. 4 xám, dài : 1 đen, cắt.

B. 3 xám, dài : 1 đen, cắt.

C. 2 xám, dài : 1 đen, cắt.

D. 1 xám, dài : 1 đen, cắt.

**Câu 21: Trong tế bào ở các loài sinh vật, NST có dạng**

A. hình que

B. nhiều hình dạng

C. hình chữ V

D. hình hạt

**Câu 22: Trong quá trình nguyên phân, có thể quan sát rõ nhất hình thái NST ở vào kì**

A. kì trung gian

B. kì đầu

C. kì giữa

D. kì sau

**Câu 23: Nguyên phân không xảy ra ở**

A. Tế bào sinh dưỡng

B. Tế bào sinh dục vào thời kì chín

C. Tế bào mầm sinh dục

D. Hợp tử và tế bào sinh dưỡng

**Câu 24: Ở kì giữa của quá trình giảm phân I, các NST kép xếp thành mấy hàng trên mặt phẳng xích đạo?**

A. 1 hàng

B. 2 hàng

C. 3 hàng

D. 4 hàng

**Câu 25: Giảm phân là hình thức phân bào của**

A. tế bào sinh dưỡng.

B. hợp tử.

C. giao tử.

D. tế bào sinh dục ở thời kì chín

**Câu 26: Sự tiếp hợp của các NST kép tương đồng diễn ra ở kì nào trong giảm phân?**

A. Kì đầu I

B. Kì giữa I

C. Kì trung gian

D. Kì đầu II

**Câu 27: Kết thúc quá trình giảm phân, số NST có trong mỗi tế bào con là**

A. lưỡng bội ở trạng thái đơn

C. lưỡng bội ở trạng thái kép

B. đơn bội ở trạng thái đơn.

D. đơn bội ở trạng thái kép.

**Câu 28: Trong quá trình tạo giao tử ở động vật, hoạt động của các tế bào mầm là**

A. Nguyên phân

B. Giảm phân

C. Thụ tinh

D. Nguyên phân và giảm phân

**Câu 29: Ở gà có bộ NST  $2n = 78$ . Một tế bào sinh dưỡng tiến hành nguyên phân liên tiếp một số lần, Tổng số NST đơn trong tất cả các tế bào con là 4992. Tế bào đó đã nguyên phân với số lần là**

A. 7

B. 6

C. 5

D. 4

**Câu 30: Cặp NST tương đồng là**

A. giống nhau về hình thái, kích thước và có cùng nguồn gốc từ bố, hoặc có nguồn gốc từ mẹ.

B. giống nhau về hình thái, kích thước và một có nguồn gốc từ bố, một có nguồn gốc từ mẹ.

C. giống nhau về hình thái, khác nhau về kích thước và một có nguồn gốc từ bố, một có nguồn gốc từ mẹ.

D. khác nhau về hình thái, giống nhau về kích thước và một có nguồn gốc từ bố, một có nguồn gốc từ mẹ.

**Câu 31: Loại tế bào nào sau đây không có cặp NST tương đồng?**

A. Tế bào sinh dưỡng của ong đực

B. Hợp tử.

C. Tế bào sinh dục chín

D. Tế bào sinh dục sơ khai

**Câu 32: Tại kì giữa, mỗi NST có**

A. 1 sợi crômatit

B. 2 sợi crômatit tách rời nhau

C. 2 sợi crômatit dính với nhau ở tâm động

D. 2 sợi crômatit bện xoắn với nhau

**Câu 33: Điểm giống nhau về NST giới tính ở tất cả các loài sinh vật phân tính là**

A. luôn giống nhau giữa cá thể đực và cái.

B. đều chỉ có một cặp trong tế bào  $2n$ .

C. đều là cặp XX ở giới cái.

D. đều là cặp XY ở giới đực.

**Câu 34: Loài dưới đây có cặp NST giới tính XX ở giới đực và XY ở giới cái là**

- A. ruồi giấm  
C. người
- B. các động vật thuộc lớp chim  
D. động vật có vú

**Câu 35: Số tinh trùng được tạo ra nếu so với số tế bào sinh tinh thì**

- A. bằng nhau  
B. bằng 2 lần  
C. bằng 4 lần  
D. giảm một nửa

**Câu 36: Có 5 tế bào tham gia nguyên phân liên tiếp 3 lần, số tế bào con thu được là**

- A. 8  
B. 15  
C. 40  
D. 64

**Câu 37: Ở đậu Hà Lan  $2n = 14$ , khi cho 2 tế bào nguyên phân liên tiếp 3 lần, số NST có trong tất cả tế bào con thu được là bao nhiêu?**

- A. 17  
B. 84  
C. 112  
D. 224

**Câu 38: Có một tế bào sinh dục sơ khai cái nguyên phân 6 lần. Tất cả tế bào con đều trở thành tế bào sinh trứng. Các trứng tạo ra đều tham gia thụ tinh. Biết hiệu suất thụ tinh của trứng bằng 18,75% và của tinh trùng là 6,25%. Số hợp tử được tạo thành và số tế bào giao tử đực tham gia thụ tinh là**

- A. 10 và 192.  
B. 8 và 128.  
C. 4 và 64.  
D. 12 và 192.

**Câu 39: Điều đúng khi nói về đặc điểm cấu tạo của ADN là**

- A. một bào quan trong tế bào  
B. chỉ có ở động vật, không có ở thực vật  
C. đại phân tử, có kích thước và khối lượng lớn  
D. chỉ có ở người

**Câu 40: Đơn vị cấu tạo nên ADN là**

- A. Axit ribônuclêic  
C. Axit amin
- B. Axit đêôxiribônuclêic  
D. Nuclêôtit

**Câu 41: Bốn loại đơn phân cấu tạo ADN có kí hiệu là**

- A. A,U,G,X  
B. A,T,G,X  
C. A,D,R,T  
D. U,R,D,X

**Câu 42: Cơ chế nhân đôi của ADN trong nhân là cơ sở**

- A. đưa đến sự nhân đôi của NST.  
C. đưa đến sự nhân đôi của trung tử.
- B. đưa đến sự nhân đôi của ti thể.  
D. đưa đến sự nhân đôi của lạp thể.

**Câu 43: Các nguyên tố hoá học tham gia trong thành phần của phân tử ADN là**

- A. C, H, O, Na, S.  
C. C, H, O, P.
- B. C, H, O, N, P.  
D. C, H, N, P, Mg.

**Câu 44: Chiều xoắn của phân tử ADN là**

- A. chiều từ trái sang phải  
B. chiều từ phải qua trái  
C. cùng với chiều di chuyển của kim đồng hồ  
D. xoắn theo mọi chiều khác nhau

**Câu 45: Đường kính ADN và chiều dài của mỗi vòng xoắn của ADN lần lượt bằng**

- A. 20 Å và 34 Å  
C. 20 Å và 3,4 Å
- B. 34 Å và 20 Å  
D. 3,4 Å và 20 Å

**Câu 46: Trong phân tử ADN, A liên kết với T bằng**

- A. 1 liên kết Hidro.  
C. 2 liên kết Hidro.
- B. 3 liên kết Hidro.  
D. 4 liên kết Hidro.

**Câu 47: ARN khác với ADN ở đặc điểm nào sau đây?**

- A. Là đại phân tử.  
B. Thành phần hóa học.

C. Số mạch đơn.

D. Cấu tạo theo nguyên tắc đa phân.

**Câu 48: Loại prôtêin nào sau đây thực hiện chức năng cấu trúc?**

A. Enzim.

B. Prôtêin dạng sợi.

C. Hoocmôn.

D. Kháng thể.

**Câu 49: Một đoạn mạch đơn của phân tử ADN có trình tự sắp xếp như sau:**

– A – G – X – T – A – X – G – T –

Đoạn mạch đơn bổ sung với nó có trình tự như thế nào?

A. – U – X – G – A – U – G – X – A –

B. – A – G – X – T – A – X – G – T –

C. – T – X – G – A – T – G – X – A –

D. – T – X – G – U – T – G – X – U –

**Câu 49: Trâu, bò, ngựa, thỏ, ... đều ăn cỏ nhưng lại có prôtêin và các tính trạng khác nhau do**

A. bộ máy tiêu hoá của chúng khác nhau.

B. chúng có ADN khác nhau về trình tự sắp xếp các nuclêôtit.

C. cơ chế tổng hợp prôtêin khác nhau.

D. có quá trình trao đổi chất khác nhau.

**Câu 50: Các tế bào xương, các tế bào cơ và các tế bào da hình dạng khác nhau vì**

A. mỗi loại tế bào là biểu hiện của một số gen khác nhau.

B. chúng có mặt trong các cơ quan khác nhau.

C. mỗi loại tế bào có những gen khác nhau được hoạt động

D. chúng chứa số lượng gen khác nhau.

**Câu 51: Phân tử ADN có số nucleotit loại A là 20%. Vậy trường hợp nào sau đây là đúng?**

A. %A + %G = 60%

B. %A + %T = 50%

C. %X = %G = 80%

D. %G = %X = 30%

**Câu 52: Nếu gọi x là số lần nhân đôi của một gen, thì số gen con được tạo ra sau khi kết thúc quá trình tự nhân đôi bằng**

A.  $2^x$

B.  $2x$

C.  $x/2$

D.  $2/x$

**Câu 53: Trên 1 gen có 1400 Nu. Hỏi gen đó có bao nhiêu chu kì xoắn?**

A. 70 .

B. 14

C. 140

D. 1400.

**Câu 54: Một phân tử ADN ở sinh vật nhân thực có số nuclêôtit loại G chiếm 15% tổng số nuclêôtit. Hãy tính tỉ lệ số nuclêôtit loại A trong phân tử ADN này.**

A. 25%

B. 15%

C. 20%

D. 35%

**Câu 55: Một gen có chiều dài 3570 Å. Hãy tính số chu kì xoắn của gen.**

A. 210

B. 119

C. 105

D. 238

**Ban giám hiệu**

Ký duyệt

**Lê Thị Ngọc Anh**



### I. Nội dung

\* Chủ đề 1: Địa lí dân cư

- Cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Dân số và gia tăng dân số.
- Phân bố dân cư và các loại hình quần cư.
- Lao động việc làm, chất lượng cuộc sống.

\* Chủ đề 2: Địa lí kinh tế.

- Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam.
- Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

II. Hình thức kiểm tra: 100% trắc nghiệm trực tuyến.

III. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm ôn tập để học sinh tham khảo luyện tập

**Câu 1: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 16, cho biết những dân tộc ít người nào có số dân trên một triệu người?**

- A. Tày, Thái, Mường, Khơ-me.
- B. Chăm, Hoa, Nùng, Mông.
- C. Dao, Cơ-ho, Sán Dìu, Hrê.
- D. Ê-đê, Ba-na, Gia-rai, Bru Vân Kiều.

**Câu 2: Nhận định nào đúng về tình hình gia tăng dân số của nước ta hiện nay?**

- A. Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm, dân số giảm.
- B. Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên tăng, dân số giảm.
- C. Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên tăng, dân số tăng nhanh.
- D. Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm, dân số tăng nhanh.

**Câu 3: Cơ cấu dân số theo độ tuổi ở nước ta đang thay đổi theo hướng tỉ lệ nhóm tuổi từ**

- A. 0-14 và 15-59 tăng lên.
- B. 0-14 tăng, tỷ lệ dân số trong nhóm tuổi 15-59 và trên 60 giảm.
- C. 0-14, 15-59 và trên 60 ổn định.
- D. 0-14 giảm, tỷ lệ dân số trong nhóm tuổi 15-59 và trên 60 tăng.

**Câu 4: Số lượng thành phần dân tộc ở nước ta là**

- A. 54.                      B. 45.                      C. 14.                      D. 86.

**Câu 5: Đặc điểm nào không đúng với các đô thị của nước ta hiện nay?**

- A. Mật độ dân số cao.
- B. Chủ yếu là đô thị có quy mô lớn.
- C. Các đô thị nước ta đều có nhiều chức năng.
- D. Các đô thị tập trung chủ yếu ở đồng bằng, ven biển.

**Câu 6: Hoạt động kinh tế chủ yếu của quần cư nông thôn là gì?**

- A. Dịch vụ.                      B. Nông nghiệp.
- C. Công nghiệp - xây dựng.                      D. Tiểu thủ công nghiệp.

**Câu 7: Theo Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, khu vực có tỷ trọng lao động đang làm việc phân theo khu vực kinh tế đang có xu hướng giảm là**

- A. Nông, lâm, thủy sản.                      B. Công nghiệp - xây dựng.
- C. Dịch vụ.                      D. Công nghiệp.

**Câu 8: Ở nước ta, tình trạng thiếu việc làm là nét đặc trưng của khu vực nào?**

- A. Đồng bằng.                      B. Duyên hải.
- C. Nông thôn.                      D. Trung du và miền núi.

**Câu 9: Ở nước ta, tỉ lệ thất nghiệp tương đối cao ở khu vực**

- A. nông thôn.                      B. thành thị.

C. đồng bằng.

D. trung du và miền núi.

**Câu 10: Ý nào sau đây không đúng với thành tựu chất lượng cuộc sống ở nước ta?**

A. Chất lượng cuộc sống khác nhau giữa các vùng.

B. Mức thu nhập bình quân trên đầu người gia tăng.

C. Tỷ lệ tử vong, suy dinh dưỡng của trẻ em ngày càng giảm.

D. Người dân được hưởng các dịch vụ xã hội ngày càng tốt hơn.

**Câu 12: Tỷ lệ gia tăng tự nhiên của dân số nước ta có xu hướng giảm là do**

A. số người trong độ tuổi sinh đẻ giảm nhanh.

B. trình độ công nghiệp hóa, đô thị hóa nhanh.

C. thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình.

D. chất lượng cuộc sống được nâng cao.

**Câu 13: Hiện nay, cơ cấu dân số theo độ tuổi của nước ta đang có xu hướng chuyển dịch**

A. từ cơ cấu dân số trẻ sang cơ cấu dân số già.

B. từ cơ cấu dân số già sang cơ cấu dân số trẻ.

C. tiến tới cơ cấu dân số ổn định.

D. sang cơ cấu dân số vàng.

**Câu 14: Cơ cấu dân số nước ta đang có xu hướng già đi là do**

A. tỷ suất sinh giảm.

B. tuổi thọ trung bình tăng.

C. số người trong độ tuổi lao động tăng.

D. thực hiện tốt chính sách dân số và nâng cao chất lượng cuộc sống.

**Câu 15: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết những đô thị nào có quy mô dân số trên 1 triệu người?**

A. Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ.

B. Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ.

C. Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh.

D. Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Câu 16: Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì lao động trong các khu vực kinh tế nước ta sẽ chuyển dịch theo hướng**

A. tăng dần tỉ trọng lao động khu vực nông – lâm – ngư nghiệp.

B. giảm dần tỉ trọng lao động khu vực công nghiệp – xây dựng.

C. tăng dần tỉ trọng lao động khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ.

D. giảm dần tỉ trọng lao động khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ.

**Câu 17: Hiện nay, tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số giảm nhưng dân số nước ta vẫn tăng nhanh là do**

A. cơ cấu dân số già.

B. quy mô dân số lớn.

C. tuổi thọ ngày càng cao.

D. gia tăng cơ học cao.

**Câu 18: Vì sao cần thiết phải phân bố lại dân cư, lao động giữa các vùng?**

A. Nguồn lao động nước ta dồi dào.

B. Dân cư nước ta đông và sống phân tán.

C. Sự phân bố dân cư nước ta không đều và chưa hợp lí.

D. Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm ở nước ta còn cao.

**Câu 19: Nguyên nhân chủ yếu khiến cho giải quyết việc làm đang là vấn đề xã hội gay gắt ở nước ta?**

A. Lao động phân bố không đều.

B. Lao động có tác phong công nghiệp kém.

C. Lao động hạn chế về thể lực và trình độ chuyên môn.

D. Lao động dồi dào trong điều kiện kinh tế chưa phát triển.

**Câu 20: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy tính tỉ lệ dân thành thị nước ta năm 2007?**

A. 72,6%.

B. 27,4%.

C. 23,37%.

D. 61,80%.

**Câu 21: Cho bảng số liệu**

**Số dân và tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số nước ta qua các năm**

| Năm  | Tổng số dân<br>(nghìn người) | Số dân thành thị<br>(nghìn người) | Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số (%) |
|------|------------------------------|-----------------------------------|--|
| 2000 | 77635                        | 18772                             | 1,36                                   |
| 2005 | 82392                        | 22332                             | 1,31                                   |
| 2010 | 86947                        | 26515                             | 1,03                                   |
| 2015 | 91713                        | 31131                             | 0,94                                   |

**Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện số dân cả nước trong đó có số dân thành thị và tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số nước ta giai đoạn 2000 - 2015?**

- A. Biểu đồ miền.
- B. Biểu đồ đường.
- C. Biểu đồ cột ghép kết hợp đường.
- D. Biểu đồ cột chồng kết hợp đường.

**Câu 22: Sự gia tăng nhanh dân số ở nước ta đã tạo điều kiện cho việc**

- A. mở rộng thị trường tiêu thụ.
- B. cải thiện chất lượng cuộc sống.
- C. sử dụng hợp lí nguồn lao động.
- D. khai thác và sử dụng tài nguyên có hiệu quả hơn.

**Câu 23: Năm 2016, theo số liệu của Tổng cục thống kê thì mật độ dân số của vùng Đồng bằng sông Hồng lớn gấp 2,3 lần mật độ dân số vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Điều này được giải thích bằng nhân tố nào sau đây?**

- A. Điều kiện tự nhiên.
- B. Trình độ phát triển kinh tế.
- C. Tính chất của nền kinh tế.
- D. Lịch sử khai thác lãnh thổ.

**Câu 24: Kinh tế nông thôn nước ta ngày càng phát triển, thì tỉ lệ người làm nông nghiệp**

- A. ngày càng giảm.
- B. ngày càng tăng.
- C. vẫn không thay đổi.
- D. thay đổi không đáng kể.

**Câu 25: Cho bảng số liệu sau**

**Tỉ suất sinh và tỉ suất tử của nước ta giai đoạn 2000-2016 (‰)**

| Năm          | 2000 | 2012 | 2016 |
|--------------|------|------|------|
| Tỉ suất sinh | 17,1 | 16,9 | 16,0 |
| Tỉ suất tử   | 6,8  | 7,0  | 6,8  |

**Từ bảng số liệu trên hãy rút ra nhận xét về tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số nước ta giai đoạn 2000 - 2016?**

- A. Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số giảm 1,1‰.
- B. Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số giảm 0,11%
- C. Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số nhìn chung là ổn định.
- C. Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số biến động, lúc tăng, lúc giảm.

**Câu 26: Tác động lớn nhất của quá trình đô thị hóa tới nền kinh tế nước ta là**

- A. tăng thu nhập cho người dân.
- B. tạo việc làm cho người lao động.
- C. tạo ra thị trường có sức mua lớn.
- D. làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Câu 27: Nguyên nhân chủ yếu làm cơ cấu lao động theo các ngành kinh tế nước ta đang có sự thay đổi mạnh mẽ là do tác động của**

- A. cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật và quá trình Đổi mới.
- B. quá trình hội nhập kinh tế thế giới và khu vực.
- C. việc thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài.
- D. quá trình di dân từ nông thôn lên thành thị.

**Câu 28. Nhân tố tự nhiên nào đã quy định nền nông nghiệp nhiệt đới ở nước ta?**

- A. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- B. Đất phù sa.
- C. Nguồn nước dồi dào.
- D. Sinh vật nhiệt đới.

**Câu 29. Theo Atlas địa lí Việt Nam trang 11, hai nhóm đất chiếm diện tích lớn nhất nước ta là**

- A. đất phù sa và đất feralit.
- B. đất phù sa và đất badan
- C. đất badan và đất feralit
- D. đất phù sa và đất xám

**Câu 30. Theo Atlas địa lí Việt Nam trang 19, vùng trọng điểm trồng lúa số một của nước ta là**

- A. đồng bằng sông Hồng.
- B. đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Tây Nguyên.

**Câu 31. Theo Atlas địa lí Việt Nam trang 19, lợn được nuôi nhiều nhất ở vùng**

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Tây Nguyên.

**Câu 32. Cây lương thực chính trong sản xuất nông nghiệp nước ta là gì?**

- A. Khoai.
- B. Sắn.
- C. Lúa.
- D. Hoa màu.

**Câu 33. Theo Atlas địa lí Việt Nam trang 19, một số cây công nghiệp lâu năm tiêu biểu ở nước ta gồm:**

- A. dâu tằm, thuốc lá, bông.
- B. cà phê, cao su, bông.
- C. cao su, hồ tiêu, thuốc lá.
- D. cà phê, cao su, hồ tiêu.

**Câu 34. Theo Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, vùng trồng chè lớn nhất nước ta là**

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Tây Nguyên.
- D. Đồng bằng Sông Hồng.

**Câu 35. Mặt hàng nông nghiệp xuất khẩu chủ lực của nước ta hiện nay là gì?**

- A. Cây ăn quả và cá biển.
- B. Gạo và sản phẩm cây công nghiệp.
- C. Ngô và sản phẩm cây công nghiệp.
- D. Cà phê và gỗ.

**Câu 36. Theo Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, vùng nào trồng cao su lớn nhất nước ta hiện nay?**

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Tây Nguyên.

**Câu 37. Biện pháp quan trọng hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta là gì?**

- A. Đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp.
- B. Đa dạng hóa cơ cấu mùa vụ.
- C. Phát triển thủy lợi.
- D. Ổn định thị trường.

**Câu 38. Nền nông nghiệp nước ta đang phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, thể hiện ở yếu tố nào?**

- A. Diện tích đất canh tác không ngừng mở rộng.
- B. Năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi tăng nhanh.
- C. Hình thành các vùng chuyên canh gắn với công nghiệp chế biến.
- D. Xuất khẩu nông sản được đẩy mạnh.

**Câu 39. Trong nhiều năm trở lại đây, cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt nước ta đang có sự chuyển dịch như thế nào?**

- A. Giảm tỉ trọng giá trị cây công nghiệp.
- B. Tăng tỉ trọng giá trị cây lương thực và cây ăn quả.
- C. Tăng tỉ trọng giá trị cây lương thực.
- D. Tăng tỉ trọng giá trị cây công nghiệp.

**Câu 40. Ở nước ta, năm 2012 diện tích trồng lúa là 7,76 triệu ha, sản lượng lúa là 43,73 triệu tấn. Năng suất lúa của nước ta năm 2012 là bao nhiêu?**

- A. 5,64 tạ/ha
- B. 56,4 tạ/ha
- C. 35,9 tạ/ha
- D. 51,5 tạ/ha

**Câu 41: Ý nào không phải là mặt mạnh của nguồn lao động nước ta hiện nay?**

- A. Nguồn lao động nước ta dồi dào.
- B. Chất lượng lao động ngày càng nâng cao.
- C. Lao động có kinh nghiệm sản xuất nông – lâm – ngư và thủ công nghiệp.

D. Cơ cấu lao động theo ngành nước ta đang có sự chuyển biến nhanh chóng và mạnh mẽ

-----

**BGH**

*Lê Thị Ngọc Anh*

## I. CÂU HỎI ÔN TẬP

**Câu 1 :** Nêu các cách sắp xếp, trang trí nhà bếp thông dụng.

**Câu 2:** Kể tên 4 đồ dùng điện trong nhà bếp. Cách sử dụng và bảo quản các đồ dùng đó như thế nào?

**Câu 3 :** Theo em nên trình bày bàn ăn như thế nào cho phù hợp với phong cách của người Hà Nội.

**Câu 4:** Trình bày một số biện pháp bảo đảm an toàn khi sử dụng các thiết bị, dụng cụ cầm tay.

**Câu 5:** Trình bày cách sử dụng và bảo quản dụng cụ, thiết bị đồ inox trong nhà bếp.

## II. CÁC CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Chọn đáp án đúng nhất cho các câu hỏi sau:**

**Câu 1.** Công cụ lao động của nghề nấu ăn là:

- A. Các dụng cụ đơn giản thô sơ như: bếp than, bếp củi, các loại nồi niêu...
- B. Các thiết bị chuyên dùng hiện đại: bếp điện, bếp gas, lò điện, máy xay...
- C. Các dụng cụ đơn giản, thô sơ và các thiết bị chuyên dùng hiện đại.
- D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 2.** Cách sử dụng và bảo quản dụng cụ thiết bị bằng gỗ là:

- A. Có thể ngâm nước
- B. Khi dùng xong nên rửa bằng nước rửa chén, bát thật sạch và phơi gió cho khô.
- C. Nên phơi ngoài nắng.
- D. Có thể hơ trên lửa cho nhanh khô.

**Câu 3.** Sử dụng và bảo quản dụng cụ thiết bị bằng thủy tinh hoặc tráng men không nên:

- A. Cần thận khi sử dụng vì dễ vỡ, dễ tróc lớp men.
- B. Dùng đũa hoặc thìa bằng gỗ để xào nấu thức ăn.
- C. Sử dụng xong rửa sạch bằng nước và để khô ráo.
- D. Đun lửa to.

**Câu 4.** Để xây dựng thực đơn cho bữa ăn hàng ngày của gia đình cần:

- A. Chọn các loại thực phẩm đắt tiền.
- B. Chọn các món ăn nhiều đạm động vật.
- C. Chuẩn bị thực đơn phù hợp tuổi tác, sức khỏe, nghề nghiệp, sở thích của các thành viên.
- D. Chọn các món ăn hợp sở thích, không cần đủ dinh dưỡng.

**Câu 5.** Sản phẩm lao động của nghề nấu ăn không phải là:

- A. Các món ăn, món bánh phục vụ nhu cầu ăn uống hàng ngày.
- B. Các món ăn, món bánh phục vụ các bữa tiệc, liên hoan, chiêu đãi.
- C. Các máy móc, dụng cụ, thiết bị nấu ăn.
- D. Các món ăn, món bánh phục vụ khách tham quan, du lịch tại các nhà hàng.

**Câu 6.** Trang trí bàn ăn cần:

- A. Bài trí trang nhã
- B. Bày nhiều đồ dùng, vật dụng
- C. Bày những đồ dùng, vật dụng đắt tiền
- D. Bày càng ít đồ dùng, vật dụng càng tốt

**Câu 7.** Điều kiện lao động của nghề nấu ăn là:

- A. Phải đứng, di chuyển nhiều.
- B. Môi trường mát mẻ, thoáng đãng.
- C. Môi trường công sở.
- D. Chỉ cần đứng một chỗ.

**Câu 8.** Việc không được làm để bảo quản dụng cụ, thiết bị nhà bếp bằng nhựa là

- A. Không để gần lửa.
- B. Đựng nước nóng hoặc thức ăn nóng.
- C. Không sử dụng trong lò vi sóng.
- D. Không để thức ăn nhiều dầu mỡ.

**Câu 9.** Nguyên nhân gây ra tai nạn trong nấu ăn là:

- A. Để vật dụng ngang tầm với.
- B. Sử dụng nồi áp suất thiếu cẩn thận.
- C. Khi đun nước, đặt vòi ấm ở vị trí thích hợp.
- D. Sử dụng bếp điện, bếp gas, lò điện, lò gas, nồi điện, ấm điện,... đúng yêu cầu.

**Câu 10.** Để tổ chức một bữa ăn hoàn hảo, ngon miệng nên chú ý:

- A. Chọn các loại thực phẩm đắt tiền.
- B. Chọn các món ăn nhiều đạm động vật.
- C. Chuẩn bị thực đơn phù hợp với các yếu tố có sẵn.
- D. Chọn các món ăn nhiều chất béo.

**Câu 11.** Bữa ăn hợp lý phải đạt yêu cầu:

- A. Bảo đảm đủ chất dinh dưỡng, ngon miệng, tiết kiệm.
- B. Theo nhu cầu dinh dưỡng.
- C. Thay đổi hàng ngày, hỗn hợp nhiều loại thực phẩm.
- D. Tất cả các yêu cầu trên.

**Câu 12.** Khăn ăn bằng giấy thường được đặt ở:

- A. Trên miệng cốc.
- B. Trên miệng bát.
- C. Dưới bát ăn chính.
- D. Dưới lọ hoa.

**Câu 13.** Các khu vực trong nhà bếp được bố trí:

- A. Tủ cất giữ thực phẩm đặt gần cửa ra vào bếp.
- B. Bàn sơ chế nguyên liệu đặt giữa tủ cất giữ thực phẩm và bếp đun.
- C. Bếp đun đặt gần cửa ra vào bếp.
- D. Tủ kệ đựng gia vị đặt vào góc nhà bếp.

**Câu 14.** Các dụng cụ trong nhóm được dùng để trộn:

- A. Thau nhỏ, găng tay, đũa, âu, muống.
- B. Xoong, chảo, rô, thau nhỏ, thìa.
- C. Nồi, thìa, khăn, thớt, đũa.
- D. Găng tay, giá, chén, dao, cốc.

**Câu 15.** Việc xây dựng thực đơn là:

- A. Để thực hiện một bữa ăn hợp lý.
- B. Để công việc tổ chức thực hiện bữa ăn được tiến hành trôi chảy, khoa học.
- C. Để đáp ứng nhu cầu người ăn.
- D. Để kiểm soát sự cân bằng dinh dưỡng.

**NỘI DUNG ÔN TẬP  
GIỮA HỌC KÌ I MÔN GDCD LỚP 9**

**A/ HỆ THỐNG BÀI HỌC**

1. Tự chủ
2. Chí công vô tư
3. Dân chủ và kỉ luật
4. Bảo vệ hòa bình
5. Hợp tác cùng phát triển

**B/ BÀI TẬP:**

1. Nắm được khái niệm trong mỗi bài học và trả lời được các câu hỏi, bài tập sau mỗi bài học trong SGK.
2. Tạo được tình huống, giải quyết được một số tình huống có liên quan đến từng chủ đề bài học.
3. Tìm, giải thích được một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, danh ngôn,... liên quan đến từng chủ đề.
4. Liên hệ bản thân, điều chỉnh hành vi sao cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức ở từng chủ đề.

**C. MỘT SỐ CÂU HỎI CỤ THỂ**

**Câu 1:** Thế nào là chí công vô tư? Ý nghĩa của phẩm chất chí công vô tư. Để rèn luyện phẩm chất đạo đức chí công vô tư, mỗi người chúng ta phải như thế nào? Em hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng năm câu giới thiệu một tấm gương có phẩm chất chí công vô tư.

**Câu 2:** Dân chủ là gì? Cách rèn luyện tính dân chủ và kỉ luật. Nêu bốn việc làm của bản thân thực hiện dân chủ và kỉ luật.

**Câu 3:** Thế nào là tự chủ? Nêu bốn biểu hiện của bản thân thể hiện tự chủ. Em hãy tìm năm câu ca dao tục ngữ thể hiện tính tự chủ.

**Câu 4:** Thế nào là hào bình? Vì sao phải bảo vệ hòa bình? Hãy nêu bốn việc làm của em thể hiện lòng yêu hòa bình trong cuộc sống hàng ngày.

**Câu 5: Bài tập tình huống**

**Tình huống 1:**

Sau giờ tan học, H thường giúp mẹ bán hàng. Thấy các bạn trong xóm hay đi chơi game nên H cũng thấy tò mò. Có lần, M- bạn cùng xóm sang rủ H đi chơi game, lúc đầu H định lấy một ít tiền bán hàng của mẹ để đi cùng nhưng sau một hồi suy nghĩ, H quyết định từ chối không đi với M nữa. H nghĩ không đi chơi sẽ tiết kiệm được tiền, hơn nữa sẽ dành thời gian để giúp mẹ bán hàng và tranh thủ ôn bài. M cho rằng H là người không có tính tự chủ nên lập trường không vững vàng.

a. Em có đồng ý với kết luận của M hay không? Tại sao?

b. Nếu em là bạn của H và M, em sẽ nói với M như thế nào?

**Tình huống 2:** Lớp 9C tổ chức buổi họp để chuẩn bị cho Hội trại 26/3. Khi cả lớp và cô giáo đang lắng nghe bạn D lớp trưởng phân công nhiệm vụ cho từng tổ thì bạn T đứng phắt dậy phản đối. Bạn T cho rằng lớp trưởng không công bằng khi phân công nhiệm vụ giữa các tổ. Một số bạn đề nghị T giữ trật tự để nghe bạn D trình bày xong rồi hãy phát biểu ý kiến. Bạn T cho rằng trong một tập thể dân chủ thì mình có thể phát biểu bất cứ lúc nào mình muốn.

a. Em có đồng ý với suy nghĩ và hành vi của bạn T hay không? Tại sao?

b. Nếu là một người bạn trong lớp, em sẽ nói với T như thế nào?



### **Câu 1:**

#### **\* Thế nào là chí công vô tư?**

Là phẩm chất đạo đức của con người, thể hiện ở sự công bằng, không thiên vị, giải quyết công việc theo lẽ phải, xuất phát từ lợi ích chung và đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân.

#### **\* Ý nghĩa của phẩm chất chí công vô tư?**

- Chí công vô tư đem lại lợi ích cho tập thể và xã hội, góp phần làm cho đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Người có phẩm chất chí công vô tư sẽ được mọi người tin cậy, kính trọng.

#### **\* Để rèn luyện phẩm chất đạo đức chí công vô tư, mỗi người chúng ta phải như thế nào?**

- Ủng hộ quý trọng người có đức tính chí công vô tư.

- Phê phán hành động vụ lợi cá nhân, thiếu công bằng trong giải quyết mọi công việc, không chí công vô tư.

#### **\* Em hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng năm câu giới thiệu một tấm gương có phẩm chất chí công vô tư: Học sinh tự trả lời.**

### **Câu 2:**

#### **\* Dân chủ là gì?**

Là mọi người được làm chủ công việc của tập thể, xã hội, mọi người phải được biết, được cùng tham gia bàn bạc, góp phần thực hiện, giám sát những công việc chung của tập thể và xã hội có liên quan đến mọi người, đến cộng đồng và đất nước.

#### **\* Cách rèn luyện tính dân chủ và kỉ luật?**

- Mọi người cần tự giác chấp hành kỉ luật.

- Các cán bộ lãnh đạo, các tổ chức xã hội có trách nhiệm tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát huy dân chủ.

#### **\* Nêu bốn việc làm của bản thân thực hiện dân chủ và kỉ luật?**

Học sinh tự liên hệ

### **Câu 3:**

#### **\* Thế nào là tự chủ?**

Tự chủ là làm chủ bản thân.

Người biết tự chủ là người làm chủ được suy nghĩ, tình cảm, hành vi của mình trong mọi hoàn cảnh, tình huống, luôn có thái độ bình tĩnh, tự tin và biết tự điều chỉnh hành vi của mình.

#### **\* Nêu bốn biểu hiện của bản thân thể hiện tự chủ?**

Học sinh tự liên hệ.

#### **\* Em hãy tìm năm câu ca dao tục ngữ thể hiện tính tự chủ?**

- Dù ai nói ngã nói nghiêng.

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.

- Đùng ăn thỏa đói, đùng nói thỏa giận.

- Hay không lây hèn, sen không lây bùn.

- Sông sâu sóng cả, chớ ngã tay chèo.

- Ai ơi ở chí cho bền.

### **Câu 4:**

#### **\* Thế nào là hòa bình?**

- Không có chiến tranh hay xung đột vũ trang.

- Là mối quan hệ hiểu biết tôn trọng bình đẳng giữa các quốc gia, dân tộc, giữa con người với con người.

- Là khát vọng của nhân loại.

#### **\* Vì sao phải bảo vệ hòa bình?**

- Hòa bình mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc và bình yên cho mỗi người, mỗi gia đình và xã hội....

- Chiến tranh chỉ dẫn tới đau thương, tang tóc, đói nghèo, bệnh tật, gia đình li tán, ô nhiễm môi trường....

- Hiện nay, chiến tranh và xung đột vũ trang vẫn đang xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới. Nếu không cảnh giác và kiên quyết ngăn chặn thì nhiều quốc gia, dân tộc, trong đó cũng có nước ta sẽ bị rơi vào vòng xoáy của chiến tranh.

\* Hãy nêu bốn việc làm của em thể hiện lòng yêu hòa bình trong cuộc sống hàng ngày?

Học sinh tự liên hệ

### **Câu 5: Bài tập tình huống**

#### **Tình huống 1:**

a. Em không đồng ý với kết luận của M. Vì lúc đầu H định lấy một ít tiền bán hàng của mẹ để đi cùng nhưng sau một hồi suy nghĩ, H quyết định từ chối không đi với M nữa. H nghĩ không đi chơi sẽ tiết kiệm được tiền, hơn nữa sẽ dành thời gian để giúp mẹ bán hàng và tranh thủ ôn bài. H đã đắn đo khi đưa ra quyết định. Đó là quyết định đúng đắn. Hành động đó thể hiện bạn H đã trung thực, siêng năng và tự chủ.

b. HS tự trả lời

#### **Tình huống 2**

a. Em không đồng ý với suy nghĩ và hành động của bạn T. Việc T được phép phát biểu là thể hiện sự dân chủ nhưng dân chủ phải gắn liền với kỉ luật. Ở đây bạn T đã thể hiện quyền dân chủ nhưng không tuân theo kỉ luật. Vì thế suy nghĩ và hành động của bạn cần được nhắc nhở, phê bình.

b. HS tự trả lời

**Ban Giám Hiệu**

**Lê Thị Ngọc Anh**

**I. Nội dung kiến thức cần ôn tập:**

1. Học sinh ôn lại kiến thức các bài: 1, 2, 3, 4, 5, 6,7.

2. Nội dung chính:

\* *Phần một: Liên Xô và các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ Hai.*

- Quá trình khôi phục, xây dựng và phát triển kinh tế sau Chiến tranh của Liên Xô và Đông Âu.
- Sự hình thành, phát triển và tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

\* *Phần hai: Các nước Á-Phi-Mĩ La-tinh từ năm 1945 đến nay.*

- Quá trình phát triển của phong trào giải phóng dân tộc và sự tan rã của hệ thống thuộc địa.
- Tình hình các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.

**II. Hình thức kiểm tra:** 100% trắc nghiệm trực tuyến.

**III. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm ôn tập để học sinh tham khảo luyện tập**

**Câu 1: Chiến tranh thế giới thứ hai, đã làm cho nền kinh tế Liên Xô phát triển chậm lại bao nhiêu năm?**

- A. 10                                      B. 20                                      C. 30                                      D. 40

**Câu 2: Những năm 1946 - 1950, Liên Xô bước vào công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế với việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ mấy?**

- A. 2                                      B. 3                                      C. 4                                      D. 5

**Câu 3: Liên Xô bước ra khỏi Chiến tranh thế giới thứ hai với tư thế**

- A. chiến thắng, không phải chịu tổn thất gì.  
B. chiến thắng nhưng phải chịu những tổn thất hết sức nặng nề.  
C. bại trận chịu nhiều hậu quả to lớn về người và của.  
D. thể hiện được vai trò và tính ưu việt của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 4: Sự kiện nào có ý nghĩa mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người?**

- A. Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.  
B. Năm 1957, Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên lên khoảng không vũ trụ.  
C. Năm 1961, Liên Xô phóng con tàu “Phương Đông” đưa nhà du hành vũ trụ Ga-ga-rin lần đầu tiên bay vòng quanh Trái Đất.  
D. Năm 1969, con người đặt chân lên Mặt Trăng.

**Câu 5 : Nhiệm vụ trọng tâm của các kế hoạch 5 năm ở Liên Xô từ năm 1950 đến đầu những năm 1970 của thế kỉ XX là**

- A. viện trợ cho các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.  
B. tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.  
C. xây dựng khối chủ nghĩa xã hội vững mạnh, đối trọng với Mĩ và Tây Âu.  
D. xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp và quốc hữu hóa nền công nghiệp quốc gia.

**Câu 6: Trong công cuộc xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, phương hướng chính của Liên Xô là ưu tiên phát triển ngành kinh tế nào?**

- A. Công nghiệp nặng.                      B. Công nghiệp nhẹ.                      C. Dịch vụ.                      D. Nông nghiệp.

**Câu 7: Năm 1949, nền khoa học – kĩ thuật Liên Xô đạt được thành tựu quan trọng là**

- A. đưa người vào vũ trụ.                      B. đưa người lên mặt trăng.  
C. chế tạo thành công bom nguyên tử.                      D. chế tạo được tàu ngầm nguyên tử.

**Câu 8: Các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu được ra đời trong hoàn cảnh nào?**

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.
- B. Hồng quân Liên Xô tiến vào lãnh thổ Đông Âu, truy kích quân đội phát xít Đức.
- C. Được sự giúp đỡ của Mỹ và các nước Tây Âu.
- D. Được chính quyền phát xít Đức trao trả chính quyền.

**Câu 9: Nội dung nào sau đây không nằm trong phương hướng chính của các kế hoạch dài hạn ở Liên Xô từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX?**

- A. Tiếp tục ưu tiên phát triển công nghiệp nặng - nền tảng của nền kinh tế quốc dân.
- B. Đẩy mạnh thâm canh trong sản xuất nông nghiệp.
- C. Chú trọng mở rộng công - thương nghiệp và các ngành dịch vụ.
- D. Đẩy mạnh tiến bộ khoa học - kĩ thuật, tăng cường tiềm lực quốc phòng.

**Câu 10: Nội dung nào sau đây không phải là chính sách đối ngoại của Liên Xô từ 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX?**

- A. Chủ trương duy trì nền hòa bình, an ninh thế giới.
- B. Thực hiện chính sách chung sống hòa bình, quan hệ hữu nghị với tất cả các nước.
- C. Chống các nước phương Tây, coi các nước này là kẻ thù số một.
- D. Tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giành độc lập tự do cho các dân tộc bị áp bức.

**Câu 11: Nhận xét nào dưới đây phản ánh đúng vai trò của Liên Xô đối với phong trào cách mạng thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai?**

- A. Chỗ dựa vững chắc của phong trào thế giới.
- B. Cầu nối kí kết các hiệp ước ngoại giao.
- C. Nước viện trợ không hoàn lại giúp đỡ phong trào cách mạng thế giới.
- D. Đồng minh tin cậy của phong trào thế giới.

**Câu 12: Các nước Đông Âu đã hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân vào khoảng thời gian nào?**

- A. Từ 1945 đến 1946.
- B. Từ 1946 đến 1947
- C. Từ 1947 đến 1948.
- D. Từ 1948 đến 1949.

**Câu 13: SEV là tên gọi tắt của tổ chức nào sau đây?**

- A. Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương.
- B. Hội đồng tương trợ kinh tế.
- C. Liên minh châu Âu.
- D. Liên minh châu Phi.

**Câu 14: Mục đích ra đời của tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va (5/1955) là gì?**

- A. Bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của các nước thành viên, góp phần duy trì nền hòa bình an ninh của châu Âu và thế giới.
- B. Đẩy mạnh sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, chống lại các nước Tây Âu và Mỹ.
- D. Xây dựng mối quan hệ hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trong khu vực Đông Âu và giúp đỡ các nước yếu khác trên thế giới.

**Câu 15 : Cuộc khủng hoảng về nhiều mặt của thế giới vào giữa những năm 70 của thế kỉ XX mở đầu bằng**

- A. cuộc khủng hoảng về dầu mỏ trên thế giới năm 1973
- B. sự khủng hoảng trì trệ của Liên Xô
- C. cuộc khủng hoảng thừa trong thế giới tư bản.
- D. sự mâu thuẫn trong nội bộ Đảng Cộng sản Liên Xô

**Câu 16 : Nội dung nào sau đây không phải là biểu hiện của tình trạng “trì trệ” kéo dài ở Liên Xô cuối những năm 70 của thế kỉ XX?**

- A. Đời sống nhân dân bước đầu được đảm bảo.
- B. Sản xuất công – nông nghiệp trì trệ.
- C. Tình trạng thiếu lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng trở nên phổ biến.
- D. Mức sống của người dân ngày càng giảm sút.

**Câu 17: Vì sao năm 1985, Goóc-ba-chốp đề ra đường lối cải tổ đất nước ?**

- A. Nhằm đưa Liên Xô phát triển ngang bằng với Tây Âu và Mỹ.
- B. Liên Xô lâm vào tình trạng khủng hoảng toàn diện.
- C. Để áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật đang phát triển của thế giới.
- D. Tăng cường tiềm lực để giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

**Câu 18. Trong đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, các nhà lãnh đạo Liên Xô đã mắc phải sai lầm nghiêm trọng gì?**

- A. Không chú trọng văn hóa, giáo dục, y tế.
- B. Không xây dựng nhà nước công – nông vững mạnh.
- C. Gia sức chạy đua vũ trang, không tập trung vào phát triển kinh tế.
- D. Chủ quan duy ý chí, thiếu công bằng dân chủ, vi phạm pháp chế xã hội chủ nghĩa.

**Câu 19: Nội dung nào không phải là nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Liên bang Xô viết?**

- A. Ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế.
- B. Chậm tiến hành cải tổ.
- C. Phạm nhiều sai lầm trong quá trình cải tổ.
- D. Không được nhân dân ủng hộ.

**Câu 20: Sự kiện nào đánh dấu Liên bang Xô viết sụp đổ?**

- A. Nhà nước liên bang tê liệt.
- B. Các nước cộng hòa đua nhau đòi độc lập và tách khỏi liên bang.
- C. Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) thành lập.
- D. Tổng thống Goóc-ba-chốp từ chức, lá cờ liên bang Xô viết trên nóc điện Krem-li bị hạ xuống.

**Câu 21: Từ sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, Việt Nam rút ra bài học kinh nghiệm gì?**

- A. Tôn trọng quy luật phát triển khách quan về kinh tế.
- B. Giữ vững vai trò lãnh đạo tuyệt đối, duy nhất của Đảng Cộng sản.
- C. Cảnh giác trước âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch.
- D. Đảm bảo thực hiện dân chủ và công bằng xã hội.

**Câu 22: Sự tan rã của Liên bang Xô viết và sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu đã gây ra hậu quả gì?**

- A. Kết thúc sự tồn tại của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.
- B. Châm dứt những ước vọng tốt đẹp xây dựng chủ nghĩa xã hội tốt đẹp của loài người tiến bộ.
- C. Đánh dấu sự sụp đổ của mô hình xã hội chủ nghĩa trên toàn thế giới.
- D. Là sự “cáo chung” của chế độ xã hội chủ nghĩa trên phạm vi thế giới.

**Câu 23: Khi lên nắm chính quyền Goóc-ba-chốp đã đề ra đường lối gì để đối phó với khủng hoảng toàn diện?**

- A. Đường lối cải tổ.
- B. Nhờ vào sự giúp đỡ của Mỹ.
- C. Hợp tác với các nước phương Tây.
- D. Áp dụng thành tựu khoa học kĩ thuật vào sản xuất.

**Câu 24: Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô năm 1991 đã tác động như thế nào đến quan hệ quốc tế?**

- A. Trật tự hai cực lanta sụp đổ, một trật tự thế giới mới đang dần hình thành.
- B. Trật tự thế giới một cực hình thành.
- C. Hình thành trật tự thế giới đa cực.
- D. Phong trào cách mạng thế giới mất chỗ dựa.

**Câu 25: Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô là sự sụp đổ của**

- A. mô hình nhà nước dân chủ nhân dân.
- B. mô hình nhà nước dân chủ tư sản.
- C. hình thái kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa.
- D. mô hình chủ nghĩa xã hội chưa đúng đắn, chưa phù hợp.

**Câu 26: Nội dung không phải nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc thực dân?**

- A. Liên Xô đưa quân vào giải phóng các dân tộc ở Châu Á, Phi, Mĩ La Tinh.
- B. Sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi.
- C. Sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La Tinh.
- D. Sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc châu Á.

**Câu 27: Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân bị sụp đổ căn bản khi nào?**

- A. Giữa những năm 70 của thế kỉ XX.
- B. Cuối những năm 60 của thế kỉ XX.
- C. Giữa những năm 60 của thế kỉ XX.
- D. Cuối những năm 70 của thế kỉ XX.

**Câu 28. Từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX, chủ nghĩa thực dân tồn tại dưới hình thức nào?**

- A. Chủ nghĩa thực dân kiểu cũ.
- B. Chủ nghĩa thực dân kiểu mới.
- C. Chế độ phân biệt chủng tộc.
- D. Chế độ khủng bố.

**Câu 29: Điều kiện nào đã tạo thuận lợi cho nhân dân Đông Nam Á nổi dậy giành chính quyền sau Chiến tranh thế giới thứ hai?**

- A. Các nước đồng minh tiến vào giải phóng.
- B. Liên Xô giúp đỡ các nước Đông Nam Á.
- C. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
- D. Được sự giúp đỡ của quân Mĩ.

**Câu 30: Năm nước thành viên sáng lập ra tổ chức ASEAN là**

- A. Việt Nam, Phi-lip-pin, Sing-ga-po, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a.
- B. Thái Lan, Lào, Việt Nam, Cam-pu-chia,
- C. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a.
- D. Thái Lan, Phi-lip-pin, Sing-ga-po, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a.

**Câu 31: Phong trào giải phóng dân tộc của các nước Á, Phi chủ yếu diễn ra dưới hình thức đấu tranh nào?**

- A. Chính trị.
- B. Vũ trang.
- C. Nghị trường.
- D. Tư tưởng, văn hóa.

**Câu 32: Cuộc “cách mạng xanh” là cuộc cách mạng diễn ra trong lĩnh vực nào ở Ấn Độ sau khi giành được độc lập?**

A. Công nghiệp.                      B. Nông nghiệp.                      C. Giao thông vận tải.                      D. Công nghệ thông tin.

**Câu 33: Lĩnh vực nào đang phát triển mạnh mẽ ở Ấn Độ trong những thập niên gần đây?**

A. Công nghiệp.                      B. Nông nghiệp.                      C. Giao thông vận tải.                      D. Công nghệ thông tin.

**Câu 34: Trụ sở của tổ chức ASEAN đặt tại đâu?**

A. Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a).                      B. Băng Cốc (Thái Lan).  
C. Viêng-chăn (Lào).                      D. Ba-li (In-đô-nê-xi-a).

**Câu 35: Trung Quốc tiến hành cuộc cải cách – mở cửa vào năm nào?**

A. 1986.                      B. 1978.                      C. 1997.                      D. 1949.

**Câu 36: Lĩnh vực nào được coi là trọng tâm phát triển trong đường lối cải cách – mở cửa của Trung Quốc?**

A. Kinh tế.                      B. Văn hóa.                      C. Chính trị.                      D. Xã hội.

**Câu 37: Từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX đến nay, chính sách đối ngoại của Trung Quốc là**

A. thực hiện đường lối đối ngoại bất lợi cho cách mạng Trung Quốc.  
B. bắt tay với Mỹ chống lại Liên Xô.  
C. hợp tác với các nước ASEAN để cùng phát triển.  
D. mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với hầu hết các nước trên thế giới.

**Câu 38: Tháng 9/1954, Mỹ cùng Anh, Pháp thành lập khối quân sự nào ở Đông Nam Á?**

A. NATO.                      B. SEATO.                      C. VACSAVA.                      D. ASEAN.

**Câu 39: Lịch sử thế giới ghi nhận “Năm châu Phi” là năm nào?**

A. 1957.                      B. 1958.                      C. 1959.                      D. 1960.

**Câu 40: Nen-xơn Man-đê-la là lãnh tụ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nước nào?**

A. Cộng hòa Nam Phi.                      B. Cu Ba.                      C. Ai Cập.                      D. In-đô-nê-xi-a.

**Câu 41: Tổ chức lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Phi chống chế độ A-pác-thai là**

A. Đảng Cộng sản Nam Phi.                      B. Đại hội dân tộc Phi (ANC).  
C. Đảng dân chủ Nam Phi.                      D. Liên minh châu Phi (AU).

**Câu 42. Năm 1945, những nước nào ở Đông Nam Á đã tuyên bố độc lập?**

A. Việt Nam, Thái Lan, Lào.                      B. Thái Lan, Cam-pu-chia, Lào.  
C. Việt Nam, Lào, In-đô-nê-xi-a.                      D. Lào, Mi-an-ma, Thái Lan.

**Câu 43. Sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1949, có ý nghĩa quốc tế như thế nào?**

A. Hệ thống chủ nghĩa xã hội được nối liền từ châu Âu sang châu Á.  
B. Đất nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội.  
C. Kết thúc hơn 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc đối với nhân dân Trung Hoa.  
D. Báo hiệu sự kết thúc ách thống trị, nô dịch của chế độ phong kiến và tư bản trên đất Trung Hoa.

**Câu 44 : Hiện nay còn bộ phận lãnh thổ nào của Trung Quốc nhưng vẫn nằm ngoài sự kiểm soát của nước này ?**

A. Hồng Công.                      B. Ma Cao.                      C. Đài Loan.                      D. Tây Tạng.

**Câu 45 : Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại đâu ?**

A. Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a).                      B. Ma-ni-la (Phi-lip-pin).

C. Băng Cốc (Thái Lan).

D. Xin-ga-po.

**Câu 46: Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, nước nào ở Đông Nam Á vẫn giữ được độc lập?**

A. Việt Nam

B. In-đô-nê-xi-a.

C. Thái Lan.

D. Cam-pu-chia.

**Câu 47: Tổ chức nào sau đây là tổ chức liên minh khu vực ở châu Phi?**

A. ASEAN.

B. NATO.

C. AU.

D. SENTO.

**Câu 48. Những khó khăn mà các nước châu Phi gặp phải sau khi giành được độc lập là**

A. mâu thuẫn trong nội bộ giới cầm quyền.

B. mâu thuẫn giữa nhân dân với giới lãnh đạo.

C. xung đột nội chiến, tình trạng đói nghèo, nợ chồng chất và dịch bệnh.

D. sự cấm vận của Mỹ.

**Câu 49: Sự kiện tiêu biểu của phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Mĩ La Tinh sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?**

A. Cách mạng Cuba thắng lợi

B. Hàng loạt các nước Mĩ La Tinh giành được độc lập.

C. Tất cả các nước Mĩ La Tinh giành được độc lập.

D. Các nước Mĩ La Tinh chuyển sang giai đoạn xây dựng và phát triển đất nước.

**Câu 50: Sau khi nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời, nhiệm vụ to lớn nhất của nhân dân Trung Quốc là gì?**

A. Đầu tư hiện đại hóa quân sự.

B. Tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược.

C. Đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, tiến hành công nghiệp hóa, phát triển kinh tế xã hội.

D. Tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược.

**Câu 51: Nội dung nào sau đây không thuộc đường lối cải cách – mở cửa của Trung Quốc từ năm 1978?**

A. Thực hiện đường lối “Ba ngọn cờ hồng”.

B. Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm.

C. Tiến hành cải cách mở cửa.

D. Chuyển nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

**Câu 52: Từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX đến nay, chính sách đối ngoại của Trung Quốc là**

A. mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với tất cả các nước trên thế giới.

B. thực hiện đường lối đối ngoại bất lợi cho Trung Quốc.

C. bắt tay với Mĩ chống lại Liên Xô.

D. hợp tác với các nước ASEAN để cùng phát triển.

**Câu 53: Nội dung nào sau đây không nằm trong nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước thành viên ASEAN?**

A. Động viên toàn lực, ủng hộ mọi mặt về sức mạnh vật chất, tinh thần khi các nước thành viên bị đe dọa độc lập, chủ quyền.

B. Cùng tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

C. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

D. Giải quyết các tranh chấp bằng phương pháp hòa bình.

**Câu 54: Công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế - xã hội của các nước châu Phi còn có hạn chế như thế nào?**



- A. Chỉ làm thay đổi một phần bộ mặt các nước châu Phi.
- B. Chưa đủ sức làm thay đổi căn bản bộ mặt của các nước châu Phi.
- C. Đánh dấu bước ngoặt phát triển mới của châu Phi.
- D. Châu Phi vẫn trong tình trạng nghèo đói và lạc hậu.

**Câu 55: Nen-xơn Man-đê-la trở thành tổng thống người da đen đầu tiên trong lịch sử Nam Phi có ý nghĩa như thế nào?**

- A. Chế độ phân biệt chủng tộc bị xóa bỏ ngay tại sào huyệt cuối cùng của nó.
- B. Liên bang Nam Phi rút ra khỏi khối Liên hiệp Anh.
- C. Anh mất quyền thống trị tại Nam Phi.
- D. Chế độ thực dân cũ hoàn toàn sụp đổ.

**Câu 56: Sự kiện mở đầu cao trào đấu tranh chống đế quốc ở khu vực Mĩ La-tinh sau chiến tranh thế giới thứ hai là**

- A. cuộc cách mạng Cuba năm 1959.
- B. cao trào đấu tranh bùng nổ ở nhiều nơi.
- C. đấu tranh vũ trang diễn ra ở Bô-lô-vi-a.
- D. bầu cử thắng lợi ở Chi-lê năm 1970.

**Câu 57: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ La-tinh được mệnh danh là “lục địa bùng cháy” vì**

- A. cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ ở khu vực này.
- B. núi lửa thường xuyên hoạt động.
- C. phong trào giải phóng dân tộc nổ ra dưới nhiều hình thức.
- D. phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài diễn ra liên tục.

**Câu 58: Sau khi thoát khỏi ách thống trị của Tây Ban Nha, các nước Mĩ La-tinh lại rơi vào vòng lệ thuộc và là “sân sau” của đế quốc**

- A. Anh.
- B. Mĩ.
- C. Pháp
- D. Bồ Đào Nha.

**Câu 59. Nhận định nào sau đây đánh giá đúng vai trò của Phi-đen Ca-xtơ-rô với đất nước Cu-ba?**

- A. Là người lãnh đạo đấu tranh chống chế độ độc tài Ba-ti-xta.
- B. Là người đi đầu trong phong trào giải phóng dân tộc.
- C. Là người lãnh đạo nhân dân Cu-ba đấu tranh lật đổ chế độ độc tài thân Mĩ tiến hành cuộc cải cách dân chủ triệt để.
- D. Là người tích cực đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.

**Câu 60. Điểm khác biệt cơ bản giữa phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Mĩ La-tinh với châu Phi là?**

- A. Mĩ La-tinh chống chủ nghĩa thực dân mới, châu Phi chống chủ nghĩa thực dân cũ.
- B. Mĩ La-tinh chống chủ nghĩa thực dân cũ, châu Phi chống chủ nghĩa thực dân mới.
- C. Hình thức đấu tranh của Mĩ La-tinh phong phú đa dạng hơn châu Phi.
- D. Mức độ giành độc lập của Mĩ La-tinh triệt để hơn châu Phi.

**BGH**

**Lê Thị Ngọc Anh**

**I. Nội dung bài học**

1. Vẽ trang trí: tạo dáng và trang trí túi xách
2. Vẽ trang trí: trang trí hội trường

**II. Yêu cầu cần đạt**

HS được củng cố về các kiến thức: vẽ tranh trang trí

**III. Hướng dẫn ôn tập**

**1. Lí thuyết**

- Thế nào là vẽ tranh trang trí?
- Cách vẽ tranh trang trí?

**2. Thực hành**

Vẽ tranh trang trí

- + Hình thức: bài vẽ theo đúng theo đề ra
- + Bố cục: hợp lí, hài hòa.
- + Hình vẽ: đẹp, có ý nghĩa
- + Màu sắc: tươi sáng, hài hòa màu sắc giữa các hình ảnh với nền
- + Thể hiện sáng tạo, có tính thẩm mỹ

**3. Yêu cầu thực hành**

Thực hành trên khổ giấy A4

**BAN GIÁM HIỆU**

Ký duyệt

**Lê Thị Ngọc Anh**

**Trường THCS Thanh Am**

**Năm học 2021-2022**

**NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KÌ**

**Môn: Giáo dục thể chất**

**LỚP 9**

**I. Nội dung ôn tập**

Bài thể dục phát triển chung (nam, nữ)

**II. Yêu cầu.**

Học sinh thực hiện được các động tác bài thể dục phát triển chung (nam, nữ).

**BAN GIÁM HIỆU**

**Lê Thị Ngọc Anh**